HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NHỮNG ĐIỂM MỚI
TRONG CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. NGUYỄN MINH HUỆ
TRẦN THỊ THANH PHIỆT
ThS. NGUYỄN TRƯỜNG TAM
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa: ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính: PHẠM NGUYỆT NGA
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: BAN SÁCH KINH TẾ
NGUYỄN VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1363-2021/CXBIPH/1-11/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 296-QĐ/NXBCTQG, ngày 11/5/2021.
Nộp lưu chiểu: tháng 5 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6754-2.

NHỮNG ĐIỂM MỚI
TRONG CÁC VĂN KIỆN
ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NHỮNG ĐIỂM MỚI
TRONG CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

GS.TS. NGUYỄN XUÂN THẮNG

TẬP THỂ BIÊN SOẠN

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ

GS.TS. TẠ NGỌC TẤN

GS.TS. VŨ VĂN HIỀN

GS.TS. NGUYỄN QUANG THUẤN

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THẠO

PGS.TS. PHẠM VĂN LINH

PGS.TS. NGUYỄN VIẾT THÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức từ ngày 25/01 đến ngày 01/02/2021 tại Hà Nội. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng đối với sự phát triển của đất nước: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội XIII được xây dựng trên cơ sở tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn; kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Các văn kiện đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với việc nhìn lại 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; xác định mục tiêu,

phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao và được sự đồng ý của Thường trực Ban Bí thư, đồng thời xuất phát từ yêu cầu nghiên cứu, quán triệt, học tập nghị quyết của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật biên soạn, xuất bản cuốn sách ***Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng***.

Cuốn sách cung cấp những luận cứ, luận giải, phân tích những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân có cơ sở nghiên cứu, nắm vững những nội dung mới trong quan điểm, chủ trương của Đảng.

Do công tác biên soạn và xuất bản rất khẩn trương nhằm phục vụ kịp thời việc học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nên nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế. Hội đồng Lý luận Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách.

Tháng 3 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, trong đó Báo cáo chính trị là trung tâm, các báo cáo khác là báo cáo chuyên đề.

Báo cáo chính trị đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, cơ đồ đất nước sau 35 năm đổi mới; xác định tầm nhìn và định hướng phát triển (đề ra quan điểm chỉ đạo, mục tiêu phát triển, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030);

xác định nhiệm vụ, giải pháp trên các vấn đề trong 5 năm 2021-2025: (1) Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh, bền vững; (2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người; (4) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ; (5) Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; (6) Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; (7) Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; (8) Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; (9) Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; (10) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; (11) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; (12) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; và xác định những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định chủ đề của Chiến lược, bối cảnh quốc tế và tình hình đất nước; quan điểm phát triển; mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các đột phá chiến lược và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trên 10 vấn đề phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm 2021-2030.

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, chỉ rõ thành tựu, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; xác định mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu; các cân đối lớn; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trên 12 vấn đề trong 5 năm 2021-2025.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ Đại hội XIII; tổng kết thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII.

Để phục vụ thiết thực, hiệu quả việc nghiên cứu, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, thực hiện chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, Hội đồng Lý luận Trung ương biên soạn tài liệu

Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Tài liệu chắt lọc, tổng hợp những nhận thức mới trong các văn kiện, trọng tâm và chủ yếu là Báo cáo chính trị; đối chiếu, so sánh với Văn kiện Đại hội XI, XII và một số Đại hội thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó làm rõ sự phát triển lý luận và những bước tiến trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng.

I. BỐI CẢNH;
QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ VĂN KIỆN;
TẦM NHÌN VÀ CHỦ ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI

1. Bối cảnh

Đại hội XIII của Đảng được tổ chức vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã thực hiện thắng lợi nhiều chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; đất nước đã trải qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quy mô, trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước được nâng lên. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là động lực, nguồn lực quan trọng để đất nước ta vượt qua khó khăn, thách thức, phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng,

lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại, có mặt gay gắt hơn. Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn. Việc phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường; việc phát triển đồng bộ các vùng, miền, địa phương trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng vẫn còn nhiều hạn chế. Tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp. Xu hướng già hóa dân số, đô thị hóa tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng ngày càng lớn đến sự phát triển đất nước. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước.

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Tình hình chính trị, an ninh, kinh tế thế giới có những biến động lớn, nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra phức tạp, quyết liệt; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, cường quyền

nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng. Toàn cầu hóa tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia - dân tộc. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại giữa các nước, các nền kinh tế ngày càng quyết liệt. Nhiều vấn đề an ninh truyền thống, phi truyền thống, an ninh mới như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh,... trở thành những thách thức lớn trên quy mô toàn cầu. Đại dịch Covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp trên quy mô toàn cầu làm đảo lộn, suy thoái nghiêm trọng kinh tế thế giới. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo căng thẳng, phức tạp. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác trong khu vực, nhưng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức.

Trong bối cảnh đó, đất nước đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết, có những quyết định đúng đắn, mạnh mẽ để phát triển đất nước ta nhanh và bền vững.

2. Quá trình chuẩn bị Văn kiện Đại hội XIII

Việc chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội Đảng là nhiệm vụ rất hệ trọng, được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cân nhắc, đặc biệt quan tâm. Lần này, do tầm vóc và ý nghĩa lớn của Đại hội XIII, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sớm, bài bản, nghiêm túc, kỹ lưỡng, phát huy cao độ dân chủ, trí tuệ, tâm huyết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Ngay từ Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, tháng 10 năm 2018, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập các tiểu ban xây dựng dự thảo các văn kiện và Tiểu ban nhân sự Đại hội. Ban Bí thư đã quyết định thành lập các tổ biên tập và tổ giúp việc các tiểu ban.

Trong 2 năm 2019, 2020, Bộ Chính trị đã chỉ đạo các tiểu ban phối hợp với các cấp ủy nhiều địa phương, với một số trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo lớn của đất nước tiến hành các cuộc khảo sát, tổng kết thực tiễn về triển khai nghiên cứu một số công trình lý luận trọng điểm. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, các tổ biên tập, các tiểu ban đi vào xây dựng đề cương và dự thảo các văn kiện. Các dự thảo được sửa chữa, bổ sung hàng chục lần trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các

chuyên gia, các nhà khoa học, quản lý trong cả nước và của đồng bào ta ở nước ngoài. Bộ Chính trị thường xuyên cho ý kiến chỉ đạo; Ban Chấp hành Trung ương đã dành 4 hội nghị để cho ý kiến định hướng tư tưởng, đề cương chi tiết và nội dung các dự thảo. Đặc biệt, ngày 20/10/2020, Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ đạo cho công bố dự thảo các văn kiện Đại hội để lấy ý kiến của các đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của toàn thể nhân dân và đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp rất tâm huyết, trí tuệ, quý báu. Bộ Chính trị đã chỉ đạo các tiểu ban chắt lọc, trân trọng tiếp thu tối đa các ý kiến xác đáng hoàn thiện các dự thảo văn kiện. Các tiểu ban thường xuyên phối hợp, chia sẻ thông tin, các nhận định, đánh giá, dự báo, định hướng, vừa bảo đảm tính đa dạng, phong phú của các văn kiện, vừa bảo đảm thống nhất, nhất quán. Ban Chấp hành Trung ương, tại Hội nghị lần thứ 14, tháng 12 năm 2020, đã rà soát, cho ý kiến lần cuối để hoàn thiện các văn kiện trước khi trình Đại hội.

Quá trình xây dựng các văn kiện Đại hội thật sự là một quá trình làm việc khoa học, kỹ lưỡng, qua nhiều bước, kết hợp chặt chẽ giữa thực tiễn và lý luận, bảo đảm dân chủ. Nhờ vậy, các văn kiện Đại hội XIII kết tinh được ý Đảng, lòng dân, có chất lượng cao.

3. Tầm nhìn của Đại hội XIII

Đại hội XIII của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng, nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế; xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và công tác xây dựng Đảng; trên cơ sở đó, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ 5 năm 2021-2025, như Đại hội các nhiệm kỳ khác. Đồng thời, Đại hội XIII còn đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 do Đại hội XI của Đảng (năm 2011) thông qua và quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, như một số Đại hội Đảng có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước định kỳ 10 năm. Nhưng ý nghĩa của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm lần này là: năm 2030 là kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng. Đặc biệt, Đại hội XIII còn đề ra tầm nhìn của Đảng về mục tiêu phát triển đất nước xa hơn, đến năm 2045, năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam. Đây là điểm mới, có ý nghĩa rất quan trọng.

Tầm nhìn là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu về năng lực, phẩm chất của người lãnh đạo, của một đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền. Tầm nhìn thể hiện lý tưởng phấn đấu, thể hiện mục tiêu cần đạt được, là cơ sở để xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện; để thống nhất tư tưởng, đoàn kết trong Đảng, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên mạnh mẽ các tầng lớp nhân dân, các lực lượng xã hội phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh để thực hiện mục tiêu, lý tưởng đó. Yêu cầu đặt ra với tầm nhìn là sự đúng đắn, chính xác của định hướng, mục tiêu đề ra, phù hợp với lý tưởng của Đảng, tính chất, xu thế của thời đại, yêu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn, có cơ sở, căn cứ khoa học, phù hợp với thực tiễn, điều kiện của đất nước, khả thi, thể hiện khát vọng, ý chí quyết tâm phấn đấu cao nhưng không chủ quan, duy ý chí.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991 (Cương lĩnh năm 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã đề ra tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI và đến khi kết thúc thời kỳ

quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tầm nhìn, mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước là sự kế thừa, cụ thể hóa tầm nhìn, mục tiêu do Cương lĩnh đề ra. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước, là cơ sở bảo đảm sự nhất quán, kết nối, kế thừa trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng qua các kỳ Đại hội Đảng đến giữa thế kỷ XXI, bảo đảm sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong đường lối phát triển đất nước. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước ta; trong khi đó, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi; thách thức trên con đường phát triển của đất nước còn nhiều, không thể xem thường, chủ quan, dao động, mất cảnh giác.

4. Chủ đề Đại hội XIII

Chủ đề Đại hội XIII của Đảng là: "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch,

vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa". So với chủ đề Đại hội XII[1], chủ đề Đại hội XIII có nhiều điểm mới, cụ thể là:

- Bổ sung *"chỉnh đốn"* và *"hệ thống chính trị"* vào nội dung "tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh" để thành *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh"*.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam 90 năm qua, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta trong 35 năm đổi mới vừa qua và cũng sẽ là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của

---

1. Chủ đề Đại hội XII: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

đất nước ta, nhân dân ta trong những năm tới. Tới đây, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta đứng trước nhiều thời cơ và khó khăn, thách thức to lớn, đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Bởi vậy, trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội X và Đại hội XI của Đảng đều có nội dung "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*". Nhưng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng lại phụ thuộc vào chất lượng các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng; trong đó, đặc biệt là phụ thuộc vào sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, trong những năm gần đây, có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" dẫn đến quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân... làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định, phát triển đất nước, uy tín của Đảng, Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Do đó, công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được Đảng hết sức quan tâm trong những năm gần đây, đặc biệt được đẩy mạnh trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng.

Tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng được mở đầu với nội dung *"Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh"*. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng cho thấy, trong bối cảnh có sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên, để xây dựng Đảng phải có chỉnh đốn, phải chỉnh đốn thì mới xây dựng được Đảng trong sạch, vững mạnh. Hội nghị Trung ương 4 khóa XII đã ra Nghị quyết chuyên đề "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Do đó, cần phải bổ sung "chỉnh đốn" vào nội dung "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh" trong tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XIII.

Đồng thời, trong bối cảnh Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của cả hệ thống chính trị. Sự trong sạch, vững mạnh của Đảng gắn liền với sự trong sạch, vững mạnh của cả hệ thống chính trị. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng gắn liền với hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Bởi vậy, bổ sung *"hệ thống chính trị"* vào "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh" để thành *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống*

chính trị trong sạch, vững mạnh" là đúng đắn và cần thiết.

- Bổ sung *"khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí",* và *"kết hợp với sức mạnh thời đại"* vào nội dung "phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc" để trở thành *"khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại..."*.

Thực tiễn lịch sử thế giới, cũng như lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đất nước ta đã cho thấy tinh thần, ý chí, khát vọng của một dân tộc là một sức mạnh to lớn. Chính ý chí, khát vọng cháy bỏng phải giành, bảo vệ cho được độc lập, tự do, thống nhất đất nước đã tạo nên sức mạnh thần kỳ để nước ta, một nước nghèo, kinh tế kém phát triển đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh của thời đại. Ngày nay, bên cạnh những khó khăn, thách thức, đất nước ta có những thuận lợi, cơ hội to lớn để phát triển, chúng ta rất cần phải phát huy mạnh mẽ ý chí, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để tạo nên động lực mạnh mẽ, sức mạnh to lớn đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm bắt, tận dụng tốt mọi thuận lợi, thời cơ, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Đây là yêu cầu, là lời hiệu triệu của Đảng, của đất nước đối với mỗi người Việt Nam yêu nước.

Cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong mọi giai đoạn cách mạng, khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn luôn là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi vẻ vang. Bởi vậy, "phát huy sức mạnh toàn dân tộc" luôn là một nội dung quan trọng trong đường lối của Đảng, được nêu trong tiêu đề Báo cáo chính trị của nhiều Đại hội Đảng (trong chủ đề và cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị Đại hội XI, XII đều có nội dung này). Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đưa nội dung "phát huy sức mạnh toàn dân tộc" vào chủ đề Đại hội.

Việc kết hợp nội lực và ngoại lực, trong đó nội lực là quyết định, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại là một quan điểm lớn, nội dung lớn trong đường lối cách mạng, phát triển đất nước của Đảng. Ngày nay, trong thời đại toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia; nước ta đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện, ảnh hưởng và tác động quốc tế đối với nước ta ngày càng lớn, nhanh chóng và trực tiếp. Xu thế của thời đại, luật pháp, các quan hệ quốc tế, sự hợp tác, ủng hộ của các nước, cộng đồng quốc tế là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức giữ vững độc lập,

chủ quyền, môi trường hòa bình, ổn định, phát triển nhanh, bền vững. Do đó, việc đưa nội dung "phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại" vào chủ đề Đại hội XIII là cần thiết, đúng đắn, có ý nghĩa quan trọng.

- Xác định mục tiêu *"phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

Thành tố cuối trong chủ đề Đại hội XI của Đảng xác định mục tiêu *"tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*, của Đại hội XII là *"phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI *"phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*. Theo truyền thống ấy, thành tố cuối trong chủ đề Đại hội XIII xác định mục tiêu "phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"; trong đó nội dung "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đã được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng; điểm mới là "nước ta trở thành nước phát triển".

Trong nhiều năm qua, trong các văn kiện của Đảng đều xác định mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta trở

thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và trở thành nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ XXI. Đây là quan điểm đúng đắn, có ý nghĩa quan trọng định hướng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xây dựng các tiêu chí để xác định thế nào là nước công nghiệp, nước công nghiệp theo hướng hiện đại và nước công nghiệp hiện đại vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong khi đó, trên thế giới hiện nay, ngoài Tổ chức Công nghiệp của Liên hợp quốc (UNIDO) có phân chia các nước thành nước đã công nghiệp hóa, nước công nghiệp hóa, còn hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế không sử dụng cách phân loại này. Các nước, các tổ chức quốc tế (như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế...) đều đánh giá, phân loại các nước thành: (1) nước phát triển, nước đang phát triển, nước kém phát triển; hay (2) nước có thu nhập cao, nước có thu nhập trung bình cao, nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập thấp. Hai cách phân loại này đều dựa vào tiêu chí chính là thu nhập bình quân đầu người. Tuy không phân loại các nước thành nước đã công nghiệp hóa hay chưa công nghiệp hóa, những nước phát triển, như các nước G7, G20, đồng thời cũng được xác định là những nước đã công nghiệp hóa, nước công nghiệp mới nổi.

Nước ta đã hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, việc xác định mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI sử dụng cách phân loại nước theo thông lệ quốc tế là cần thiết để thuận lợi cho việc phân tích, đánh giá và so sánh quốc tế. Trong nhiều văn kiện của Đảng, Nhà nước ta những năm vừa qua đã xác nhận nước ta là nước đang phát triển, có thu nhập trung bình thấp theo như đánh giá của các tổ chức kinh tế quốc tế.

5. Mục tiêu phát triển đất nước

a. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát phát triển đất nước trong những năm tới, Báo cáo chính trị Đại hội XIII về cơ bản thống nhất với chủ đề Đại hội, có bổ sung, nhấn mạnh một số điểm. Cụ thể là: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình,

ổn định; phấn đấu giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*"[1]. So với mục tiêu tổng quát của Đại hội XII[2], ngoài những điểm mới đã nêu trong chủ đề Đại hội, còn có những điểm mới sau:

- Bổ sung *"năng lực cầm quyền"* vào nội dung "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng" để thành *"nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng"*.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu là những yêu cầu hàng đầu đối với Đảng để Đảng làm tốt được vai

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.111-112.

2. Mục tiêu tổng quát trong Báo cáo chính trị Đại hội XII là: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.* Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

trò lãnh đạo của Đảng đối với mọi mặt hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại của đất nước. Những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực, thế giới; sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của đất nước đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải giải quyết, phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Vì vậy, nhiệm vụ "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng" đã được nhiều lần nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, khi là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước. Đây là điều rất khác với sự lãnh đạo của Đảng khi chưa có chính quyền. Cầm quyền là lãnh đạo nhưng thông qua Nhà nước, phương thức cầm quyền có điểm chung, song có điểm khác với phương thức lãnh đạo, chủ yếu đề cập đến cách thức, phương hướng Đảng nắm, định hướng, kiểm soát hoạt động của Nhà nước trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Trong thực tế, những năm vừa qua, vừa có tình trạng Đảng làm thay Nhà nước, vừa có tình trạng buông lỏng lãnh đạo Nhà nước. Vì vậy, việc bổ sung "năng lực cầm quyền" vào nội dung "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng" sẽ nhấn mạnh cần phải chú ý, cần phải quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện thể chế để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Bổ sung *"toàn diện"*, *"củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa"* vào nội dung "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh" để thành *"xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa"*.

Bổ sung "toàn diện" vào "xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh" là nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đồng bộ sự trong sạch, vững mạnh cả đối với Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và trong mỗi tổ chức, cần xây dựng toàn diện cả về tổ chức, cán bộ, phương thức hoạt động; với cán bộ phải xây dựng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong làm việc...

Bổ sung "củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa" bởi trong những năm vừa qua tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Một trong những yêu cầu, mục tiêu quan trọng, cấp thiết của xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là phải củng cố được niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội

chủ nghĩa vì đó là nền tảng chính trị bảo đảm vai trò, vị thế, uy tín, sức mạnh của Đảng, của Nhà nước, sự bền vững của chế độ ta.

- Bổ sung *"công nghiệp hóa, hiện đại hóa"* vào câu "Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới" để thành *"đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*.

Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới là quan điểm, chủ trương lớn của Đảng được nêu trong mục tiêu tổng quát phát triển đất nước của Báo cáo chính trị các Đại hội X, XI, XII và trong nhiều văn kiện của Đảng. Ở các Đại hội này, trong mục tiêu tổng quát, sau câu *"Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới"* là *"phát triển đất nước nhanh, bền vững"*, một mục tiêu tổng quát hết sức quan trọng, bao gồm nhiều lĩnh vực. Trong đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xác định là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội Đảng, nhiệm vụ này được quan tâm đẩy mạnh, đạt một số thành tựu; nhưng kết quả còn nhiều hạn chế, mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được; trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp,... Đây là hạn chế, điểm yếu quan trọng của nước ta. Trong những năm tới, trong

bối cảnh toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, cạnh tranh quốc tế hết sức gay gắt, quyết liệt, yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế đặt ra cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với đất nước ta. Vì vậy, bổ sung nội dung này vào mục tiêu tổng quát trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là quan trọng, cần thiết để nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, được thực hiện mạnh mẽ, có hiệu quả cao hơn trong những năm tới.

b. Các mục tiêu cụ thể

- Đại hội XII chỉ đề ra mục tiêu tổng quát và chỉ tiêu chủ yếu về phát triển đất nước trong 5 năm 2016-2020 để phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, đồng thời với việc xác định mục tiêu tổng quát trong chặng đường phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI, đã nêu các mục tiêu cụ thể cho 5 năm, tới năm 2025; mục tiêu cho 10 năm, tới năm 2030, và tầm nhìn đến năm 2045. Đây cũng là ba mốc lịch sử quan trọng của đất nước ta: năm 2025 là năm kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; năm 2030 là năm kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng; và năm 2045 là

năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Khi xác định mục tiêu cho những năm tới, Đại hội XIII vừa kế thừa những quan điểm của Đảng trong Cương lĩnh, trong nghị quyết các nhiệm kỳ Đại hội trước, xác định mục tiêu phấn đấu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và sau đó trở thành nước công nghiệp hiện đại; đồng thời, tiếp thu các cách đánh giá, phân loại các nước theo thông lệ quốc tế, được các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổ chức Thương mại Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế và hầu hết các nước trên thế giới sử dụng. Đó là việc đánh giá, phân loại các nước thành: nước kém phát triển, nước đang phát triển và nước phát triển; nước có thu nhập thấp, nước có thu nhập trung bình thấp, nước có thu nhập trung bình cao và nước có thu nhập cao.

Trong cả hai cách phân loại này, căn cứ chính để phân loại các nước là thu nhập bình quân đầu người theo số liệu được Ngân hàng Thế giới công bố hằng năm. Những nước kém phát triển cũng là nước có thu nhập thấp; những nước đang phát triển bao gồm những nước có thu nhập trung bình thấp và nước có thu nhập trung bình cao; những nước phát triển là

nước có thu nhập cao (tuy nhiên, không phải mọi nước có thu nhập bình quân đầu người cao đều được xem là nước phát triển, như một số nước có thu nhập bình quân đầu người cao chỉ nhờ khai thác và xuất khẩu dầu mỏ). Tháng 7/2020, Ngân hàng Thế giới công bố tiêu chí phân loại các nước theo thu nhập bình quân đầu người: nước có thu nhập thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người dưới 1.036 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 1.026 USD/năm); nước có thu nhập trung bình thấp là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 1.036 đến dưới 4.045 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là từ 1.026-3.395 USD/năm); nước có thu nhập trung bình cao là nước có thu nhập bình quân đầu người từ 4.045 đến dưới 12.535 USD/năm (tiêu chí công bố năm 2019 là 3.395-12.375 USD/năm); nước có thu nhập cao là nước có thu nhập bình quân đầu người trên 12.535 USD/năm.

- Cuối nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, Việt Nam đã ra khỏi tình trạng nước nghèo (có thu nhập thấp), kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp (khái niệm nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp đã được sử dụng trong nhiều văn kiện của Đảng, Nhà nước ta). Năm 2020, nước ta đã có thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD, vẫn là nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Trên cơ sở vừa kế thừa mục tiêu được các Đại hội trước

đề ra, vừa tiếp thu các tiêu chí theo thông lệ quốc tế, Đại hội XIII của Đảng đã đề ra các mục tiêu cụ thể phát triển đất nước trong những năm tới:

Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700-5.000 USD/năm);

Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu người ước đạt khoảng 7.500 USD/năm);

Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao (đến năm đó, tiêu chí sẽ thay đổi, theo tiêu chí hiện nay, GDP bình quân đầu người phải đạt trên 12.535 USD/năm).

Việc xác định các mục tiêu cụ thể theo các tiêu chí mới thể hiện bước tiến nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

II. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Các văn kiện Đại hội XIII quán triệt và thể hiện nhất quán, sáng tạo ba nguyên tắc cơ bản trong xây

dựng các văn kiện của Đảng: *nguyên tắc kế thừa và phát triển; nguyên tắc kiên định và đổi mới; nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận.*

1. Nguyên tắc kế thừa và phát triển

Các văn kiện đã kế thừa có chọn lọc cách xác định chủ đề, phương châm Đại hội; cách kết cấu, trình bày và những nội dung cơ bản... trong văn kiện các Đại hội của Đảng trong thời kỳ đổi mới, nhất là Đại hội XI, Đại hội XII, đồng thời có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển phù hợp.

a. Chủ đề và phương châm Đại hội: Tiếp thu việc xác định 5 thành tố cơ bản của chủ đề Đại hội XII (bao gồm: Đảng, dân tộc, đổi mới, bảo vệ Tổ quốc, mục tiêu phát triển) và những thành tố quan trọng trong phương châm Đại hội: *Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới*, Báo cáo chính trị Đại hội XIII bổ sung, phát triển nội dung các thành tố về Đảng, dân tộc, về mục tiêu phát triển trong chủ đề Đại hội và bổ sung thành tố *Sáng tạo - Phát triển* vào phương châm Đại hội thay cho thành tố *Đổi mới.* Sự bổ sung, phát triển chủ đề, phương châm Đại hội vừa bảo đảm kế thừa những thành tố cơ bản, vẫn còn nguyên giá trị vừa tiếp tục hoàn thiện bằng những nhận thức mới phù hợp với điều kiện, yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới.

b. Kết cấu và cách trình bày: Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp thu cách trình bày nội dung văn kiện theo vấn đề như Đại hội XI, XII (Đại hội XI: 12 vấn đề; Đại hội XII: 15 vấn đề), song kết cấu và tên của các vấn đề được sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Báo cáo công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII vừa có sự kế thừa cách kết cấu các báo cáo trình các Đại hội trước đây, vừa có bước phát triển mới, trong đó nội dung tổng kết được trình bày thành một phần riêng, đánh giá sâu, toàn diện và đúc kết bài học kinh nghiệm; nội dung về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong 5, 10 năm tới được trình bày thành một phần riêng theo các vấn đề lớn, phù hợp.

c. Nội dung: Các văn kiện Đại hội XIII vừa kế thừa nghiêm túc những nhận định, đánh giá, dự báo, quan điểm, mục tiêu và những định hướng lớn về nhiệm vụ, giải pháp đã được trình bày trong văn kiện các nhiệm kỳ Đại hội trước, đặc biệt là các văn kiện nhiệm kỳ Đại hội XII, đến nay vẫn đúng đắn, chuẩn xác, còn nguyên giá trị, đồng thời bổ sung, phát triển

nhiều vấn đề, nội dung mới. Sự bổ sung, phát triển về nội dung trong các văn kiện Đại hội XIII phản ánh sự thay đổi, yêu cầu và những xu hướng, khuynh hướng mới của thực tiễn thế giới, đất nước; sự phát triển của công cuộc đổi mới, những tiến bộ về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân ta qua 35 năm đổi mới.

2. Nguyên tắc kiên định và đổi mới

Các văn kiện Đại hội XIII là văn kiện cao nhất, quan trọng nhất của Đảng, có ý nghĩa định hướng về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong 5, 10, 25 năm tới, do vậy yêu cầu phải bảo đảm sự kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc để không chệch hướng, không cực đoan, đồng thời, thể hiện cho được tinh thần đổi mới để không sa vào bảo thủ, giáo điều, trì trệ.

a. Kiên định nguyên tắc tính đảng và tính khoa học

Tuy cách tiếp cận và trình bày cụ thể các vấn đề, nội dung có khác nhau tùy theo yêu cầu, tính chất của từng báo cáo, song tất cả các văn kiện đều tuân thủ nghiêm ngặt *nguyên tắc tính đảng* và *tính khoa học.*

Nguyên tắc tính đảng: Các văn kiện đều thể hiện sự kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh -

nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nguyên tắc tính khoa học: Các văn kiện quán triệt và thể hiện nguyên tắc dân chủ, khách quan. Nội dung các văn kiện được trao đổi, cân nhắc, thảo luận, tranh luận nhiều lần, nhiều vòng từ tổ biên tập, tiểu ban, đến Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương; được sự góp ý của các chuyên gia, các nhà khoa học; được lấy ý kiến sâu rộng của cán bộ, đảng viên, nhân dân thông qua đại hội đảng bộ các cấp, qua Đảng đoàn Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với nhiều hình thức rất phong phú. Như vậy, nội dung các văn kiện thật sự là kết tinh của tinh thần dân chủ, phản ánh những vấn đề được đa số đồng tình, nhất trí; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, chưa đủ độ chín chưa đưa vào văn kiện, tiếp tục được nghiên cứu, thảo luận, không gượng ép, không võ đoán. Nội dung trình bày trong các văn kiện, nhất là các nhận định, đánh giá, dự báo, những định hướng về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải bảo đảm khách quan, chính xác, khả thi, không tô hồng, không bôi đen, phản ánh đúng thực tế khách quan và yêu cầu, đòi hỏi khách quan.

b. Kiên định đường lối đổi mới

Các văn kiện Đại hội XIII được xây dựng trên cơ sở kết hợp chặt chẽ sự kiên định một cách sáng tạo

với tiếp tục đổi mới tư duy trong phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và định hướng phát triển đất nước theo phép biện chứng Hồ Chí Minh: Thế giới ngày ngày đổi mới, xã hội ngày một phát triển, nhân dân ngày càng tiến bộ, do vậy cán bộ, đảng viên không thể "giữ lấy cái kẹp giấy cũ không thay đổi"[1], mà tư tưởng, hành động cũng phải phát triển.

Về đánh giá tình hình: Các văn kiện, tuy cách tiếp cận cụ thể có khác nhau do yêu cầu, tính chất của từng văn kiện khác nhau, nhưng đều thể hiện một tinh thần chung là đánh giá thành tựu 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với thành tựu 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011; 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; và 35 năm đất nước tiến hành công cuộc đổi mới để thấy được tính liên tục, kế thừa, tiếp nối của cả một quá trình phấn đấu, sáng tạo bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Thêm nữa, lần này, trong các văn kiện, việc đánh giá thành tựu, hạn chế được trình bày khái quát hơn, không sa đà vào các công việc cụ thể, chú ý nêu rõ những dấu ấn nổi bật, đúc kết những kinh nghiệm ở tầm bài học, mang tính lý luận.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.8, tr.55.

Về dự báo tình hình: Các văn kiện đều chú trọng phân tích, cập nhật những vấn đề mới, biểu hiện mới, xu hướng mới, yêu cầu mới, thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức đặt ra đối với đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển nhanh, sâu rộng; tình hình thế giới, khu vực thay đổi nhanh, có nhiều đột biến, đặc biệt là sự tác động toàn diện, mạnh mẽ của khủng hoảng kinh tế, xã hội toàn cầu, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, trước mắt là đại dịch Covid-19...

Về định hướng phát triển: Các văn kiện đều tiếp tục khẳng định những nhận thức đúng đắn của Đảng đã được thực tiễn chứng minh, đồng thời bổ sung những nhận thức, cách tiếp cận theo tư duy mới về hệ quan điểm chỉ đạo, về mục tiêu phát triển, về định hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn, về trọng tâm và đột phá chiến lược nhằm phát triển đất nước nhanh, bền vững, xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc... Điểm mới nổi bật là, lần này các văn kiện vừa chú trọng định hướng giải quyết những vấn đề cấp thiết ở tầm ngắn hạn (5 năm 2021-2025), vừa xác định phương hướng phát triển đất nước ở tầm nhìn trung hạn, dài hạn đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) và đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Các văn kiện đều

nhấn mạnh sự gắn kết, liên thông, tương tác giữa các lĩnh vực, các địa bàn trong nước, giữa các nhân tố trong nước với các nhân tố ngoài nước thông qua xây dựng và thực hiện thể chế phát triển tổng hợp, đồng bộ, trong đó, đồng thời với việc khẳng định các nhân tố chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đặc biệt chú trọng các nhân tố khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, giá trị văn hóa, con người, môi trường bền vững... Thể chế, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng tiếp tục được khẳng định là ba đột phá chiến lược có ý nghĩa lâu dài, song nội dung của từng đột phá chiến lược được xác định cụ thể theo tinh thần đổi mới mạnh mẽ, đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn và điều kiện của đất nước trong những năm tới.

3. Nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận

Các văn kiện Đại hội XIII được xây dựng công phu, nghiêm túc trên cơ sở chắt lọc, tổng hợp, tích hợp kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với sự tham gia đông đảo của các cơ quan quản lý, các trung tâm nghiên cứu, đào tạo, các cấp ủy đảng ở địa phương, cơ sở, các cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các nhà khoa học, những người hoạt động thực tiễn trên nhiều lĩnh vực.

a. Về thực tiễn

Để phục vụ thiết thực cho việc xây dựng các văn kiện trình Đại hội XIII và phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo Tiểu ban Văn kiện và Hội đồng Lý luận Trung ương tiến hành tổng kết hệ thống, bài bản một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (1991-2020), đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 (2011-2020)[1]. Nội dung hai báo cáo được xây dựng trên cơ sở các cuộc khảo sát, nghiên cứu thực tiễn công phu ở nhiều địa phương, từ cơ sở đến các tỉnh, thành trong phạm vi cả nước; chú trọng đánh giá toàn diện quá trình thực hiện hai Cương lĩnh của Đảng, khẳng định những thành tựu quan trọng, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, bất cập trong tổ chức thực hiện, phát hiện những điểm nghẽn cần tháo gỡ; đề xuất, kiến nghị những định hướng nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả Cương lĩnh trong bối cảnh mới.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII: *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020; Hội đồng Lý luận Trung ương: *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tổng kết việc thực hiện nhiều nghị quyết, chủ trương quan trọng liên quan đến các lĩnh vực. Về kinh tế: tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tổng kết việc thực hiện chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể, phát triển kinh tế tư nhân, phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp, nông, lâm nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội miền núi, hội nhập kinh tế quốc tế,... Về văn hóa: tổng kết việc thực hiện các nghị quyết về phát triển văn hóa, xây dựng con người, xây dựng đời sống văn hóa, phát triển thể thao,... Về xã hội: tổng kết về xây dựng giai cấp công nhân, về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, về phát triển đội ngũ trí thức; về xây dựng nông thôn mới; về dân số, an sinh xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo... Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: tổng kết thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, bảo vệ biên giới quốc gia,... Về đối ngoại, hội nhập quốc tế: tổng kết việc thực hiện đường lối đối ngoại và chủ trương hội nhập quốc tế. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: tổng kết việc thực hiện chiến lược công tác cán bộ; tổng kết việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tổng kết

công tác xây dựng các tổ chức cơ sở đảng; tổng kết công tác kiểm tra, công tác dân vận, công tác phòng, chống tham nhũng,...

Những kết quả tổng kết thực tiễn toàn diện, trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp độ đã được chắt lọc, tổng hợp đưa vào nội dung các văn kiện Đại hội XIII, nhờ vậy các văn kiện có chiều sâu và tính khái quát cao trong việc nhìn nhận 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII gắn với quá trình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và quá trình 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới.

b. Về lý luận

Để có cơ sở vững chắc cho việc xây dựng tư tưởng, quan điểm chỉ đạo, dự báo, xác định mục tiêu, chỉ tiêu và những định hướng lớn phát triển đất nước đến năm 2025, năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong các văn kiện Đại hội XIII, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo các tiểu ban văn kiện, Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trung tâm nghiên cứu lý luận triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu lý luận theo hướng thiết thực, cập nhật.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh triển khai chương trình nghiên cứu sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin, làm rõ thêm những luận điểm còn nguyên giá trị lý luận, thực tiễn mà Việt Nam cần tiếp tục vận dụng sáng tạo. Đặc biệt, chương trình đã tiếp tục làm sâu sắc hơn những giá trị to lớn có ý nghĩa dẫn đường của tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là tư tưởng của Người về đổi mới; về mục tiêu phát triển đất nước; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện, nhất là về đạo đức, cán bộ; về vai trò, sức mạnh của nhân dân...[1].

Hội đồng Lý luận Trung ương được giao làm đầu mối tiến hành tổng kết 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), tập trung làm rõ quá trình nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh, 35 năm đổi mới, khái quát những vấn đề lý luận đã rõ, chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những vấn đề lý luận có thể đưa vào văn kiện. Đồng thời, Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì triển khai một chương trình nghiên cứu lý luận trọng điểm, tập hợp hàng nghìn cán bộ nghiên cứu trong cả nước tiến hành nghiên cứu

---

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước,* mã số KX.02/16-20.

những vấn đề mới, những xu hướng vận động mới trong đời sống chính trị, kinh tế quốc tế, nhất là những vấn đề nảy sinh qua đại dịch Covid-19; đánh giá thuận lợi, thời cơ và những khó khăn, thách thức của đất nước trong những năm tới; làm rõ căn cứ để xác định tư tưởng chủ đạo, quan điểm phát triển, mục tiêu phấn đấu, những định hướng lớn đối với các lĩnh vực trọng yếu, xác định động lực, nguồn lực, các đột phá chiến lược phù hợp với yêu cầu, điều kiện của đất nước trong giai đoạn mới[1]. Nhiều cơ quan nghiên cứu, đào tạo lớn, nhiều cán bộ lão thành, cán bộ lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học cũng đã gửi những ý kiến đóng góp tâm huyết, sâu sắc đến các tiểu ban, các tổ biên tập văn kiện.

Những kết quả nghiên cứu lý luận nói trên được thường xuyên chắt lọc, kịp thời gửi tới các tiểu ban, các tổ biên tập, cung cấp những căn cứ khoa học cho quá trình xây dựng các văn kiện, nhờ vậy các văn kiện vừa có giá trị thực tiễn, vừa có giá trị lý luận; vừa có tính tổng kết, vừa có tầm dự báo, định hướng.

Chính nhờ có phương pháp tiếp cận đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo các nguyên tắc cơ bản *kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp*

---

1. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị trọng điểm*, mã số KX.04/16-20.

nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận, dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII đã được nhân dân đón nhận, quan tâm tham gia đóng góp ý kiến, đồng thời thể hiện sự nhất trí về cơ bản, hoan nghênh, đánh giá cao: các dự thảo văn kiện, đặc biệt là dự thảo Báo cáo chính trị, "được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, khoa học, có chất lượng, có tính kế thừa và phát triển về tư duy, lý luận, thật sự là một công trình khoa học, kết tinh trí tuệ và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Dự thảo có tính khái quát cao; vừa có tính tổng kết lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, phản ánh ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân về tất cả các lĩnh vực được thể hiện trong nhóm các vấn đề lớn..."[1]. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo các tiểu ban nghiêm túc tiếp thu tối đa các ý kiến hợp lý của nhân dân để hoàn thiện các dự thảo văn kiện. Tại Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một lần nữa trân trọng tiếp thu ý kiến của nhân dân, rà soát, hoàn thiện lần

---

1. Báo cáo tổng hợp chung ý kiến đóng góp của đại hội đảng bộ các cấp, của đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng, ngày 26/11/2020, Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

cuối các dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 14, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước khẳng định: Việc chuẩn bị dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần này được tiến hành rất công phu, bài bản, chu đáo, qua nhiều lần, nhiều vòng, từng bước hoàn thiện, có nhiều đổi mới, tiến bộ về chất so với trước; quán triệt sâu sắc nguyên tắc kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa kế thừa và phát triển; trên cơ sở phát huy tối đa dân chủ, trân trọng lắng nghe ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, cán bộ, đảng viên và nhân dân; lựa chọn, chắt lọc, tham khảo các đề xuất tâm huyết, trách nhiệm, kết tinh trí tuệ và sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta... Văn kiện trình Đại hội của Đảng lần này có nhiều nội dung đổi mới và điểm nhấn quan trọng, từ cách tiếp cận, mục tiêu phát triển, đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, dự báo tình hình thế giới và trong nước, hệ thống các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cho đến các định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược đã thể hiện được những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương, phương hướng lớn, cho thấy tầm nhìn, tư duy chiến lược của Đảng, khát vọng phát triển của dân tộc và quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân,

toàn quân ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa[1].

III. TỔNG KẾT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII VÀ TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI

Trên cơ sở kế thừa và có những đổi mới trong đánh giá tình hình, các văn kiện Đại hội XIII của Đảng có nhiều điểm mới so với các văn kiện các Đại hội trước, trực tiếp là Đại hội XII. Có thể nhận rõ những điểm mới sau:

1. Cách trình bày và phạm vi đánh giá

Đổi mới cách trình bày, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đánh giá tổng quát những kết quả của từng lĩnh vực cụ thể và đúc rút những nhận định chung nổi bật nhất của đất nước trong nhiệm kỳ qua, trình bày gộp lại với tiêu đề: "Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và cơ đồ đất nước sau 35 năm đổi mới". Cách trình bày mới như vậy vừa dễ so sánh, đối chiếu hơn, vừa thấy tính logic trong tổng thể tình hình của đất nước.

---

1. Xem: Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng, ngày 18/12/2020. Lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

Về phạm vi đánh giá, Văn kiện Đại hội XII có hai nội dung đánh giá. *Một là,* đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015). *Hai là,* đánh giá khái quát (nhìn lại) 30 năm đổi mới (1986-2016). Văn kiện Đại hội XIII có phạm vi đánh giá rộng hơn: *một là,* tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII; *hai là,* đánh giá 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); *ba là,* đánh giá 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; *bốn là,* nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991.

2. Các nội dung cụ thể

a. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

- Thành tựu

Đại hội XIII đánh giá: "... trong nhiệm kỳ Đại hội XII, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm, *đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật*"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.77.

(1) Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên (tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm 2016-2020 đạt khoảng 6%/năm, riêng năm 2020 vẫn đạt 2,91%; GDP năm 2020 đạt 271,2 tỷ USD; năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011-2015, lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016-2020); thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD năm 2020.

(2) Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, *đạt nhiều kết quả tích cực*. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá, được tiến hành quyết liệt, có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu, gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống".

(3) Sự thống nhất, phối hợp đồng bộ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường.

(4) Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì đấu tranh giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

(5) Đặc biệt, trong năm 2020, đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến nước ta, gây ra nhiều thiệt hại về

kinh tế - xã hội, nhưng nhờ phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tham gia đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đồng lòng ủng hộ của nhân dân, chúng ta đã từng bước kiểm soát thành công đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội; ổn định đời sống, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; khẳng định bản lĩnh, ý chí, truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, dân tộc ta.

- *Những thành tựu đạt được 5 năm qua có nguyên nhân khách quan và chủ quan.*

(1) Đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của quá trình *phấn đấu liên tục, bền bỉ* của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta qua nhiều nhiệm kỳ đại hội, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của nước ta qua 35 năm đổi mới.

(2) Nguyên nhân bao trùm và quan trọng nhất là sự đoàn kết, thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có hiệu quả, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp;

sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; sự tham gia tích cực, có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, sáng tạo, trách nhiệm của nhân dân; sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế.

- *Hạn chế, khuyết điểm*

(1) Việc hoàn thiện thể chế; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa *còn chậm*, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao.

(2) Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập.

(3) Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số hạn chế.

(4) Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ. Xây dựng Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới.

(5) Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.

- Những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XII có *nguyên nhân khách quan,* song trực tiếp và quyết định nhất là do *nguyên nhân chủ quan.*

(1) Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên về một số chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn chưa sâu sắc, thiếu thống nhất, do vậy một số công việc triển khai thiếu kiên quyết, còn lúng túng.

(2) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực cụ thể hóa, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, làm cho pháp luật, nghị quyết chậm được thực hiện và hiệu quả thấp.

(3) Nhiều hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy, chính quyền và đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số nơi chậm được khắc phục; trách nhiệm người đứng đầu chưa thực sự được đề cao. Tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại vào cấp trên, tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít,

kỷ cương, phép nước không nghiêm còn khá phổ biến; chưa tạo được nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp có tính đột phá, đồng bộ để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, huy động mọi nguồn lực cho phát triển.

(4) Nhận thức, triển khai đổi mới tổ chức bộ máy một số cơ quan trung ương và địa phương chưa đều, chưa thật đồng bộ. Công tác cán bộ còn có mặt hạn chế, việc thực hiện một số nội dung trong các khâu của công tác cán bộ ở một số nơi còn hình thức. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân, "lợi ích nhóm", bệnh lãng phí, vô cảm, bệnh thành tích ở một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi.

- *Bài học kinh nghiệm*

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Đại hội XIII rút ra *năm bài học kinh nghiệm:*

(1) Bài học đầu tiên về Đảng, Đại hội xác định: Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và

hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là "then chốt của then chốt", tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; cán bộ, đảng viên phải thực hiện trách nhiệm nêu gương theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Nhận thức mới trong bài học trên là xây dựng Đảng về cán bộ.

(2) Bài học thứ hai về dân, Đại hội xác định: Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong bài học thứ hai, nhận thức mới là bổ sung "dân giám sát, dân thụ hưởng" và "lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu".

(3) Bài học thứ ba về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, Đại hội xác định: Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn; đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; thực hiện tốt sự phối, kết hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển.

Trong bài học thứ ba, nhận thức mới là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của hệ thống chính trị.

(4) Bài học thứ tư về thể chế, Đại hội xác định: Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, bảo đảm hài hoà giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước.

Nhận thức mới nổi bật là "xây dựng đồng bộ thể chế phát triển".

(5) Bài học thứ năm về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đại hội xác định: Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt

trúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nhận thức mới nổi bật là "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện".

b. Về đánh giá 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011 và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020

Báo cáo chính trị Đại hội XIII chỉ rõ: "*Mười năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)* và thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020* đã tạo những bước tiến quan trọng cả về nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện, khẳng định những giá trị to lớn của Cương lĩnh.

Về nhận thức lý luận: Mục tiêu, đặc trưng, những phương hướng cơ bản và những quan hệ lớn mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được bổ sung, cụ thể hóa, phát triển với những nhận thức quan trọng. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển tổng quát của nền kinh tế Việt Nam. Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người,

lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển...; hoàn thiện lý luận về quốc phòng, an ninh và tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi "nước chưa nguy" trên cơ sở xây dựng thế trận lòng dân vững chắc... Hoàn thiện và nhận thức sâu sắc hơn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ... chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng..."[1]. Báo cáo chính trị khẳng định: "Trong 10 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn, nhưng kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực"[2]. Rõ ràng, về nhận thức lý luận đó là những vấn đề mới được đúc rút trong thời gian qua.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng nhấn mạnh: **"Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là diễn biến phức tạp, nhanh chóng của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và đại dịch Covid-19, nhưng đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực"**[3].

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.99-101, 101, 209.

c. Về đánh giá 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991

(1) Báo cáo chính trị Đại hội XIII nêu rõ: "*Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay*"[1]. Báo cáo khẳng định, những thành tựu đạt được trong tiến trình đổi mới và thực hiện Cương lĩnh là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Về ý nghĩa của thành tựu thực hiện công cuộc đổi mới và Cương lĩnh

Báo cáo chính trị Đại hội XIII khẳng định:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.103-104.

"Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Cương lĩnh của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh""[1].

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 10 NĂM 2021-2030

1. Những điểm mới trong dự báo tình hình

Nhận thức của Đảng ta về tình hình thế giới và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.104-105.

trong nước luôn đổi mới, sát hợp với thực tế hơn theo từng thời điểm 5 năm hoặc 10 năm. Tùy từng thời gian, Đảng ta dự báo những đặc điểm nổi bật của thế giới, khu vực và của đất nước để từ đó dự liệu và xác định đường lối, chính sách mới theo từng mốc thời gian cụ thể. Trong Văn kiện Đại hội XIII, phần dự báo tình hình có nhiều điểm mới.

a. Dự báo tình hình thế giới

Thứ nhất, dự báo trong Văn kiện Đại hội XIII cho thấy, tình hình thế giới phức tạp hơn so với dự báo trong Văn kiện Đại hội XII. Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ: "*Trên thế giới,* trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn"[1]. Thực tế trên thế giới cho tới nay đã có những thay đổi và có vấn đề rõ nét hơn. Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về kinh tế, đa cực hóa về trật tự chính trị, đa dạng hóa về phát triển văn hóa, tin học hóa và số hóa trong mọi mặt đời sống xã hội, gia tăng hóa sự phụ thuộc vào nhau và chuyển hóa lẫn nhau. Trong bối cảnh như vậy, hòa bình, độc lập

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.70.

dân tộc, dân chủ và phát triển vẫn là những xu thế lớn, nhưng đang đứng trước nhiều trở ngại và tự nó không dễ trở thành hiện thực. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do những biến động lớn đang nổi lên trên thế giới. Đó là sự cạnh tranh quyết liệt về quyền lực và lợi ích giữa các nước lớn gây ra những nguy cơ như chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, chiến tranh thương mại,...; đó là những mâu thuẫn về dân tộc, sắc tộc, giai cấp, tôn giáo gây ra những xung đột cục bộ, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên,... Vì thế, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có nhận định mới: "Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế"[1].

Thứ hai, kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng. Báo cáo chính trị Đại hội XII đánh giá: "Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường"[2]. Đại dịch

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.105.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.72.

Covid-19 đã làm bùng phát cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, để lại những hậu quả sâu rộng và lâu dài. Tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn do tác động của các chính sách bảo hộ mậu dịch và sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng như các luật lệ điều tiết sự vận hành kinh tế thế giới đang chịu nhiều áp lực phải điều chỉnh thay đổi, các chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu đang bị gián đoạn, chia cắt và cần được sắp xếp lại. Vì vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XIII có nhận định mới: "Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi chuỗi cung ứng"[1].

Thứ ba, về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Văn kiện Đại hội XII chưa đề cập đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội của thế giới, mở ra khả năng mới làm thay đổi tính chất và nâng cao đáng kể trình độ của lực lượng sản xuất xã hội loài người, đưa tới những thay đổi sâu sắc về cơ cấu sản xuất,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.106.

tiêu dùng cũng như lực lượng lao động, phương thức làm việc, sinh hoạt, học tập, sự điều hành doanh nghiệp, sự vận hành của bộ máy quản lý nhà nước. Mặt khác, cuộc cách mạng này cùng với việc phát triển của kinh tế số, sẽ đặt ra nhiều thách thức mới về đời sống và an toàn xã hội không thể xem thường. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc"[1]. Nhận định mới này rất quan trọng trong việc định hướng tận dụng thời cơ do những thành tựu của cuộc cách mạng này đem lại, đồng thời vượt qua những khó khăn, thách thức để phát triển đất nước theo hướng tăng tốc, đi tắt, đón đầu.

Thứ tư, về tình hình châu Á - Thái Bình Dương. Về cơ bản, Văn kiện Đại hội XIII có nhiều điểm thống nhất với nhận định của Đại hội XII. Tuy nhiên, do hiện nay khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á có vị trí chiến lược quan trọng, trở thành khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, kể cả trên Biển Đông diễn ra ngày càng phức tạp, nên Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh vấn đề mới,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.106.

đậm nét: "Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột"[1].

b. Dự báo tình hình trong nước

Thứ nhất, có điểm mới trong nhận định về nền kinh tế đất nước. Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh: "Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức"[2]. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nêu rõ những khó khăn, thách thức: "Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra"[3].

Thứ hai, nêu bật một số khó khăn mới. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; đặc biệt biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước"[4]. Các vấn đề nêu trên,

---

1, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.107, 107-108, 108.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.74.

Văn kiện Đại hội XII và các Đại hội trước chưa đề cập tới hoặc có đề cập đến nhưng chưa rõ nét.

Thứ ba, nhấn mạnh hơn về những vấn đề cần khắc phục. Văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: "Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù"[1]. Đó là những cảnh báo xác đáng và rất quan trọng để trong nhiệm kỳ tới có những giải pháp hữu hiệu khắc phục.

2. Về quan điểm

Những Đại hội Đảng gần đây, trong Báo cáo chính trị thường không trình bày các quan điểm chỉ đạo. Tại Đại hội XI, Báo cáo chính trị, sau khi khẳng định tư tưởng: **"Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa"**[2], trình bày ngay mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.108.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.185.

2011-2015, không trình bày quan điểm chỉ đạo. Năm quan điểm phát triển được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020[1]. Trong các văn kiện Đại hội XII, Báo cáo chính trị không có nội dung trình bày riêng về quan điểm chỉ đạo; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 nêu 4 quan điểm phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tổng kết thi hành Điều lệ Đảng khóa XI và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng khóa XII (nếu có) trình bày 3 quan điểm chỉ đạo[2].

Đại hội XIII của Đảng là Đại hội mở đầu thập niên thứ ba của thế kỷ XXI trong bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến rất nhanh, phức tạp, có nhiều đột biến khó dự báo, tác động thường xuyên, trực tiếp đến nước ta, tạo ra đồng thời cả thuận lợi, thời cơ lớn đan xen với không ít khó khăn, thách thức gay gắt. Đại hội XIII của Đảng có sứ mệnh định hướng phát triển đất nước từ nay đến năm 2025, đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2045 gắn với hai sự kiện trọng đại: 100 năm thành lập Đảng (1930-2030), 100 năm

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.98-102.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.269-271; 352-353.

thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945-2045). Cán bộ, đảng viên, nhân dân hy vọng, tin tưởng Đại hội Đảng lần này sẽ đề ra những chủ trương, quyết sách sáng suốt, đúng đắn, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Xuất phát từ tầm vóc và ý nghĩa quan trọng của Đại hội XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII thống nhất rất cao phải xây dựng một hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị và hệ quan điểm phát triển trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.*

a. Hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII

Báo cáo chính trị nêu hệ quan điểm chỉ đạo với 5 quan điểm cơ bản, nhấn mạnh quan điểm có tính nguyên tắc; về chiến lược tổng thể phát triển đất nước; về động lực phát triển; nguồn lực phát triển; về nhân tố hàng đầu quyết định thành công. Hệ quan điểm được kết cấu chặt chẽ, có quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành một hệ quan điểm thống nhất, bao quát những tư tưởng chỉ đạo lớn đối với toàn bộ công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới.

(1) Quan điểm nhất quán có tính nguyên tắc

Nhận thức sâu sắc sự nguy hại và hậu quả nghiêm trọng của việc xa rời nền tảng tư tưởng, mục tiêu,

đường lối cách mạng, từ bỏ nguyên tắc xây dựng Đảng dẫn đến sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên bang Xôviết và các nước Đông Âu; từ bài học thành công của cách mạng nước ta, nhất là thành công trong những thời điểm cách mạng chuyển giai đoạn hoặc gặp nhiều khó khăn, thử thách; từ nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay, Báo cáo chính trị đặt lên hàng đầu quan điểm:

"Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[1].

Đây là quan điểm có tính nguyên tắc, bất di bất dịch, thể hiện bản lĩnh vững vàng của Đảng. Cốt lõi của quan điểm này là kết hợp khoa học sự kiên định trước sau như một nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng, đường lối đổi mới và nguyên tắc xây dựng Đảng với tinh thần không ngừng đổi mới sáng tạo trên cơ sở tuân theo các quy luật khách quan, kế thừa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.109.

tinh hoa văn hóa, truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và những kinh nghiệm thành công của quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Kiên định nhưng không cứng nhắc, bảo thủ, giáo điều dẫn đến trì trệ; đổi mới sáng tạo nhưng không cực đoan, duy ý chí, mạo hiểm, dẫn đến đổ vỡ. Kiên định một cách sáng tạo, sáng tạo một cách kiên định theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh: nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ, giữ vững nguyên tắc và mạnh bạo sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với hành động[1].

(2) Quan điểm về chiến lược tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững

Công cuộc đổi mới đã trải qua 35 năm, ngày càng đi vào chiều sâu, đòi hỏi phải triển khai toàn diện, đồng bộ hơn các nhiệm vụ trên các lĩnh vực, các địa bàn, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, liên kết chặt chẽ các quốc gia, hướng đến những giá trị chung. Đất nước cần và có thể phát triển nhanh, bền vững hơn vì lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc phù hợp với lợi ích chung của nhân loại. Muốn vậy, phải xây dựng và thực hiện

---

1. Xem Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr.219.

chiến lược phát triển tổng thể đất nước, vừa bảo đảm tính toàn diện, vừa tập trung vào những lĩnh vực, nhiệm vụ cốt yếu, tạo thành sự gắn kết đồng bộ, thống nhất, hiệu quả của toàn bộ công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị xác định quan điểm:

"Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên"[1].

(3) Quan điểm về động lực phát triển

Xác định đúng để phát huy mạnh mẽ động lực phát triển đất nước là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nên sức mạnh và sức bật của đất nước. Động lực có nhiều dạng thức, có động lực vật chất, động lực tinh thần; có động lực tồn tại lâu dài, có động lực mới xuất hiện; có động lực cụ thể trong từng lĩnh vực, trên từng địa bàn, có động lực chung thúc đẩy các lĩnh vực trên phạm vi cả nước...

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110.

Xác định động lực phát triển, Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "Nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành *động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập*: kết hợp hài hòa các lợi ích; phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy nhân tố con người; vai trò của khoa học - công nghệ..."[1]. Kế thừa định hướng của Đại hội XII, bổ sung những nhân tố động lực mới, Báo cáo chính trị Đại hội XIII hoàn thiện quan điểm về động lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới: "Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước"[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.76.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110.

So với trước đây, nhận thức của Đảng về động lực phát triển được nâng lên tầm mức mới. Về nhân tố dân tộc, đồng thời với lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Báo cáo chính trị nhấn mạnh ý chí tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc - nguồn năng lượng nội sinh to lớn và động lực trung tâm của quốc gia - dân tộc trên con đường đi tới tương lai[1]. Về nhân tố chính trị, kế thừa vấn đề phát huy dân chủ, Báo cáo chính trị bổ sung vấn đề bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Nhân tố con người được gắn kết với nhân tố văn hóa, được bổ sung nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài. Nhân tố khoa học - công nghệ được đề cao, nhấn mạnh, gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(4) Quan điểm về nguồn lực phát triển

Huy động, sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực là điều kiện tiên quyết cho phát triển đất nước. Nguồn lực quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cần được nhìn nhận theo tư duy và cách

---

1. Xem Phùng Hữu Phú: "Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo - Điểm nhấn của Đại hội lần thứ XIII của Đảng", *Tạp chí Cộng sản,* số 953, tháng 11/2020, tr.33.

tiếp cận mở, gắn nguồn lực trong nước với nguồn lực ngoài nước theo tinh thần giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tự lực, tự cường, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp hài hòa nội lực và ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Cần tránh hai khuynh hướng, vọng ngoại, quá trông chờ, chú trọng, dẫn tới lệ thuộc vào nguồn lực bên ngoài; hoặc biệt lập, tuyệt đối hóa vấn đề tự lực cánh sinh, đề cao một chiều nguồn lực trong nước, tách rời nguồn lực trong nước với nguồn lực ngoài nước. Với tư duy biện chứng và từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, trực tiếp là kinh nghiệm đổi mới, hội nhập quốc tế, Báo cáo chính trị xác định quan điểm về nguồn lực phát triển đất nước trong thời kỳ mới:

"Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất"[1].

(5) Quan điểm về những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công

Từ thực tiễn phong phú của cách mạng nước ta, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.110-111.

quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng đúc kết những bài học kinh nghiệm lớn, trong đó nhấn mạnh bài học thứ năm: *"... sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam"*[1]. Nhiệm kỳ Đại hội XI, đặc biệt là nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh toàn diện, thu được nhiều kết quả nổi bật. Nhận thức lý luận về xây dựng Đảng được bổ sung, hoàn thiện. Năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, trước hết gắn liền với tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng, khoa học của Đảng, với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức. Đồng thời, nhiệm vụ then chốt này không thể tách rời với hai nhiệm vụ chính trị rất quan trọng: *Một là,* xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, trọng tâm là xây dựng Nhà nước; *Hai là,* xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị, với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên là ba khâu thống nhất, gắn bó chặt chẽ, tạo thành sức mạnh chính trị to lớn, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.66.

cách mạng Việt Nam. Những nhận thức sâu sắc đúc kết từ thực tiễn xây dựng Đảng đã được khái quát thành quan điểm thứ năm:

"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc"[1].

b. Hệ quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

Quán triệt tinh thần và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo được xác định trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII; kế thừa, phát triển những quan điểm phát triển được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.111.

2011-2020 và những quan điểm phát triển kinh tế - xã hội được nêu trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; trên cơ sở những bài học kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn 10 năm qua, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trình bày 5 quan điểm phát triển: phát triển nhanh và bền vững; về thể chế phát triển; về nguồn lực con người; về xây dựng nền kinh tế, tự chủ; về sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc...

(1) Quan điểm phát triển nhanh và bền vững

Tư tưởng phát triển nhanh, bền vững đã được xác định từ Đại hội XI, Đại hội XII với nội dung cốt lõi là: phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh; ổn định kinh tế vĩ mô, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước[1].

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.270.

Những năm gần đây, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển rất nhanh, tác động ngày càng sâu rộng đến các nước, tạo ra nhiều đột biến, nhiều thời cơ và thách thức đối với tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với nước ta, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành một số chủ trương, chính sách chủ động, tích cực tham gia cuộc cách mạng này, xem đây là giải pháp đột phá để Việt Nam phát triển bứt phá[1]. Vận dụng tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị kết hợp với phân tích, dự báo xu thế phát triển chung của thế giới, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đưa ra quan điểm phát triển nhanh, bền vững với tư duy và cách tiếp cận mới:

"Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh

---

1. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

tranh. Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số"[1].

(2) Quan điểm về thể chế phát triển

Mười năm trước, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, khi xác định quan điểm về thể chế phát triển, Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương...[2]. Đại hội XII, khi xác định quan điểm phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Đảng nhấn mạnh yêu cầu tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mấu chốt là làm rõ và giải quyết hiệu quả quan hệ Nhà nước - thị trường[3].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.214-215.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.99-100.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.269.

Trước những yêu cầu, đòi hỏi mới của thực tiễn, Đại hội XIII bổ sung nhiều nhận thức, định hướng mới trong quan điểm về thể chế phát triển, nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hình thành các mô hình kinh tế mới, phát triển các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân... Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định:

"Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sản xuất, nhất là đất đai. Hệ thống pháp luật phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới. Phải coi trọng hơn quản lý phát triển xã hội; mở rộng dân chủ phải gắn với giữ vững kỷ luật, kỷ cương. Phát triển nhanh, hài hòa các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.215.

(3) Quan điểm về nguồn lực con người

Đề cao nhân tố con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển là tư tưởng nhất quán của Đảng. Kế thừa và phát triển quan điểm được trình bày trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020: "Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển"[1]; quán triệt sâu sắc tư tưởng chủ đạo của Đại hội XIII là phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 bổ sung, làm sâu sắc, phong phú hơn quan điểm về nguồn lực con người:

"Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.100.

hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân"[1].

(4) Quan điểm về xây dựng nền kinh tế tự chủ

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định 8 mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới, phát triển ở Việt Nam, trong đó có mối quan hệ "giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế"[2]. Quán triệt tinh thần Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định quan điểm: "Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng"[3]. Đến Đại hội XII, trong Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, quan điểm này được cụ thể hóa, nhấn mạnh yêu cầu tự chủ kinh tế: "Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.215-216.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.27, 102.

tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế"[1].

Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, tuy gặp nhiều trở ngại, thách thức, nhưng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế vẫn tiếp tục tiến triển, ngày càng sâu rộng trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cạnh tranh giữa các nước, nhất là các nước lớn, diễn ra gay gắt, quyết liệt. Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng trầm trọng do tác động của đại dịch Covid-19... Để phát triển nhanh, bền vững, tất yếu phải đồng thời tăng cường hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, trước hết là tự chủ về kinh tế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tiếp tục nhấn mạnh và hoàn thiện quan điểm về xây dựng nền kinh tế tự chủ phù hợp với tình hình, yêu cầu mới:

"Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phải hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính tự chủ, tham gia hiệu quả, cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng chống chịu hiệu quả trước các tác động lớn, bất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.270-271.

thường từ bên ngoài. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại. Không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp của người Việt Nam ngày càng vững mạnh và huy động sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao hiệu quả và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại"[1].

(5) Quan điểm về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam, được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một trong các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật phát triển, đổi mới. Tư tưởng chỉ đạo này được thể hiện rõ nét trong quan điểm phát triển nhanh, bền vững nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Những năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất phức tạp. Hòa bình, hợp tác, phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.216.

vẫn là xu thế lớn, nhưng gặp nhiều thách thức, trở ngại; chạy đua vũ trang, xung đột cục bộ, tranh chấp quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ, trong đó nổi lên là tranh chấp chủ quyền biển, đảo mà Biển Đông là một điểm nóng, có chiều hướng gia tăng. Đối với Việt Nam, các thế lực thù địch, phản động tăng cường các hoạt động chống phá. Từ thực tiễn hiện nay và dự báo tình hình sắp tới, Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài: kiên định, kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ gắn với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Quán triệt tinh thần đó, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trình bày một quan điểm riêng về phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm thực hiện thành công Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới:

"Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.216-217.

Nhìn tổng quát, Văn kiện Đại hội XIII đặc biệt chú trọng xây dựng hệ quan điểm chỉ đạo, phát triển, do vậy tầm định hướng và dẫn dắt được nâng lên. Hai hệ quan điểm trình bày ở hai văn kiện, do tính chất, yêu cầu khác nhau nên nội dung cụ thể không trùng lặp, hệ quan điểm chỉ đạo trong Báo cáo chính trị có tầm bao quát chung, rộng hơn; hệ quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cụ thể hơn, định hướng cho các lĩnh vực chủ yếu. Song về tư tưởng, hai hệ quan điểm là thống nhất, đều hướng vào thực hiện mục tiêu chung mà Đại hội đã xác định. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả hệ quan điểm chỉ đạo và hệ quan điểm phát triển là nhân tố quan trọng tạo nên sự thống nhất cao về tư tưởng, nhận thức, hành động và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII.

3. Định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, các văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định *định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030* (dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) với cùng 12 định hướng tổng quát trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như Báo cáo chính trị Đại hội XII, nhưng có nhiều điểm mới *về cách tiếp cận, mục đích và nội dung.*

a. Định hướng về hoàn thiện thể chế phát triển bền vững

Báo cáo chính trị Đại hội XIII xác định định hướng thứ nhất là: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước"[1]. Lần đầu tiên, vấn đề "*thể chế phát triển bền vững*" được đặt ra trong một văn kiện Đại hội Đảng. Trước đó trong Đại hội XII, vấn đề *thể chế* chỉ được nhắc đến trong nhiệm vụ tổng quát thứ hai là "Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[2]; nói cách khác, tức là mới chỉ đề cập đến hoàn thiện thể chế phát triển của lĩnh vực kinh tế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII đề cập "*thể chế phát triển bền vững*", tức là thể chế bảo đảm cho sự vận hành đồng bộ, thuận lợi, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.114.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.77.

hội nhập quốc tế, hướng tới thực hiện yêu cầu *phát triển nhanh, bền vững đất nước.* Trong thể chế phát triển thì thể chế chính trị là yếu tố trung tâm, quyết định, chi phối đối với thể chế của các lĩnh vực còn lại.

Việc nhấn mạnh và đặt "*thể chế phát triển bền vững*" là định hướng phát triển đầu tiên nói lên điều gì?

Thứ nhất, đó là nhận thức mới của Đảng ta về ý nghĩa, tầm quan trọng đặc biệt của *thể chế phát triển bền vững* đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Đó chính là điều kiện quyết định để "tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước"[1]. Đó cũng chính là bài học được rút ra từ thực tiễn lãnh đạo công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong 35 năm thực hiện đường lối đổi mới vừa qua, đã không chỉ cho thấy vai trò, ý nghĩa to lớn của thể chế đối với sự phát triển nói chung, mà còn là trách nhiệm to lớn, nặng nề và có ý nghĩa quyết định của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và không ngừng hoàn thiện thể chế phát triển nói chung, nhất là thể chế chính trị - một điều kiện sống còn cho công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.114.

Thứ hai, thể chế phát triển của chúng ta hiện nay nói chung còn có nhiều hạn chế, tạo ra những vướng mắc, gây ra những khó khăn cho việc huy động nguồn lực, sức mạnh để phát triển đất nước một cách đồng bộ, bền vững. Việc nhận ra những hạn chế, vướng mắc về thể chế phát triển chính là thể hiện thái độ nghiêm khắc, tinh thần trách nhiệm và phương pháp khoa học, thực tế, khách quan của Đảng trong lãnh đạo đất nước với tư cách một đảng cầm quyền.

Thứ ba, cùng với những hạn chế của hệ thống thể chế phát triển bền vững hiện nay thì sự vận động của tình hình chung trên thế giới, sự phát triển dẫn đến những thay đổi to lớn, mạnh mẽ, toàn diện của thực tiễn; và những yêu cầu, đòi hỏi mới của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới cũng đòi hỏi chúng ta phải không ngừng đổi mới, hoàn thiện thể chế phát triển bền vững. Đó là vấn đề có tính quy luật, là một yêu cầu khách quan, là điều kiện căn bản bảo đảm cho sự phát triển bền vững đất nước nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. Hơn thế, đây cũng một lần nữa cho chúng ta thấy bài học có tính phương pháp luận - phải luôn nhìn thẳng vào sự thật và xác định phương hướng phát triển đất nước phải xuất phát từ các điều kiện thực tế.

b. Định hướng về tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

So với Báo cáo chính trị Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng yêu cầu "hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[1], nhưng với nội dung và mục đích mới. Nếu ở Đại hội XII, việc hoàn thiện thể chế nhằm "nâng cao hiệu lực" quản lý kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế, thì Đại hội XIII nhấn mạnh mục đích "tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"[2]. Từ phân tích thực tế về huy động và sử dụng nguồn lực đất đai vừa qua có thể thấy, thể chế hiện tại có nhiều vấn đề cần hoàn thiện, nếu không sẽ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và trở thành tác nhân dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột, bất ổn an ninh, trật tự xã hội. Trên thực tế, thể chế quản lý, phân bổ nguồn lực tài nguyên khoáng sản, nguồn lực tài chính, nhất là ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác trong xã hội đều chưa thật chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả theo yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nói như đánh giá trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII: "Chưa tạo được đột phá trong

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.128, 114.

huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển"[1]; hay đánh giá trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025: *"Cơ chế phân cấp quản lý kinh tế, quản lý ngân sách nhà nước và đầu tư* được đẩy mạnh nhưng trong thực hiện còn thiếu đồng bộ, thiếu các cơ chế giám sát hiệu quả..."[2]. Như vậy, việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực chính là một cách tiếp cận vấn đề rất thực tế, một phương hướng hợp lý, tích cực nhằm phát triển kinh tế - xã hội đất nước nhanh, bền vững.

c. Định hướng về giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ

Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, yêu cầu mới đặt ra trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng là: "Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài"[3]. Việc nhấn mạnh

---

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80, 115.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.67.

yêu cầu *tạo đột phá* trong đổi mới giáo dục và đào tạo, lĩnh vực quốc sách hàng đầu của đất nước xuất phát từ tình hình thực tế của lĩnh vực này trong nhiệm kỳ vừa qua, như đánh giá trong Báo cáo chính trị: "Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội". Sự hạn chế đó thể hiện trên các bình diện, từ tư duy, chính sách, giải pháp, tổ chức hệ thống, công tác tổ chức, cán bộ đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, vấn đề giáo dục con người, đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục nghề nghiệp, kỹ năng thực hành, giáo dục kết hợp nghiên cứu khoa học, v.v.. Mặt khác, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, sự tích lũy kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại đòi hỏi không được chậm trễ trong việc đổi mới cách tiếp cận, nội dung, phương pháp trong giáo dục, đào tạo. Từ thực tiễn ấy, *tạo đột phá* là yêu cầu bức thiết, khách quan và hợp lý nhằm không chỉ bảo đảm những mục tiêu về giáo dục, mà còn là yêu cầu về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trọng dụng nhân tài.

Trong lĩnh vực phát triển, nghiên cứu và ứng dụng *khoa học - công nghệ*, các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu mới, gắn liền khoa học - công nghệ với những vấn đề, đòi hỏi trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển

mạnh mẽ. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh, cụ thể hóa hơn yêu cầu mới cho phát triển khoa học - công nghệ, trong đó chú trọng nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ để tạo dựng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam, đồng thời lựa chọn phát triển "một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới". Các văn kiện cũng xác định rõ hơn nội dung, mục tiêu của khoa học - công nghệ phục vụ cho yêu cầu thúc đẩy *đổi mới sáng tạo* - một động lực hàng đầu, đáp ứng những yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới sắp tới.

d. Định hướng về xây dựng văn hóa và con người

Nếu Báo cáo chính trị Đại hội XII xác định nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện, thì nội dung phương hướng phát triển đặt ra trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu về *phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Đây chính là một bước nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa văn

hóa và con người, nhấn mạnh hơn đến vai trò của con người với tính chất là chủ thể, cũng là mục đích của việc phát triển nền văn hóa. Phát triển nền văn hóa chính là phát triển con người và ngược lại. Cùng với chủ trương gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, sự tăng cường và gắn kết xây dựng con người và nền văn hóa trong một thể thống nhất sẽ là cơ sở vững chắc để "khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển"[1], không chỉ làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, mà còn trở thành động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

đ. Định hướng về quản lý phát triển xã hội

Đối với lĩnh vực quản lý phát triển xã hội, cùng với những nội dung nhất quán trong đường lối của Đảng về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, chính sách người có công, lao động việc làm, chăm sóc sức khỏe nhân dân, quan điểm của các văn kiện Đại hội XIII thể hiện nhận thức mới của Đảng về xây dựng chế độ xã hội tốt đẹp, bảo đảm tự do, công bằng, tiến bộ xã

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.116.

hội, môi trường sống lành mạnh, điều kiện phát triển toàn diện, tốt đẹp cho mỗi người dân, trong đó chú trọng việc xây dựng *môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh*, *không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*. Đây là tiếp tục nhất quán đường lối về chính sách xã hội được đề ra trong Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 "kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách"[1]. Đồng thời, Đại hội XIII cũng nhấn mạnh, làm rõ hơn yêu cầu về xây dựng một môi trường xã hội có đạo đức lành mạnh, nhấn mạnh vấn đề chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển, chú trọng an ninh xã hội, an ninh con người, cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, một đòi hỏi chính đáng theo đúng mục đích của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước là vì con người. Mặt khác, nhấn mạnh đến yếu tố đạo đức lành mạnh trong môi trường sống cũng là vấn đề đặt từ mặt trái của cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường, từ sự tổng kết, đánh giá nghiêm túc thực tế xã hội trong giai đoạn phát triển vừa qua với nguy cơ về tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.79.

trị, đạo đức, lối sống đã có những diễn biến có chiều hướng phức tạp, chưa thể đẩy lùi một cách triệt để.

e. Định hướng về vấn đề tài nguyên và môi trường

Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục đưa nội dung "Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường" đã được đặt ra từ Đại hội XII là một trong những phương hướng phát triển. Đồng thời, nếu Báo cáo chính trị Đại hội XII đặt ra phương hướng "chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu", thì các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh, đặt lên hàng đầu và diễn đạt mới về yêu cầu này: "Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai"[1]. Đây là nhận thức mới của Đảng ta xuất phát từ những nghiên cứu, dự báo về tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng ngày càng có chiều hướng tăng lên, những diễn biến phức tạp ngày càng khắc nghiệt của thời tiết, dịch bệnh đối với con người và cây trồng, vật nuôi trong thời gian gần đây. Đặc biệt, vấn đề biến đổi khí hậu, nước biển dâng là một nguy cơ lớn đối với nước ta, đe dọa đến vấn đề an ninh lương thực

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.116.

cả nước, vấn đề an ninh con người đối với hàng chục triệu người dân ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và một số khu vực ven biển ở miền Bắc.

Về vấn đề *bảo vệ môi trường*, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn, đưa ra những nội dung cốt yếu cho phương hướng phát triển sắp tới là: "lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường"[1].

g. Định hướng về quốc phòng và an ninh

Trên cơ sở quan điểm cơ bản về quốc phòng, an ninh đã được khẳng định tại Đại hội XII, trong đó coi tăng cường quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ "*trọng yếu, thường xuyên*", mục tiêu đặt ra cho công tác quốc phòng và an ninh của đất nước là: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn một bước,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117.

nhấn mạnh yêu cầu về "Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương"[1]. Đồng thời các văn kiện Đại hội XIII cũng nhấn mạnh một số khía cạnh cụ thể trong phương hướng về quốc phòng, an ninh. Đó là: "Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố, nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch"[2]. Việc nhấn mạnh yêu cầu giữ vững an ninh quốc gia nói chung và an ninh, trật tự trên một số lĩnh vực cụ thể là kết quả nhận thức mới của Đảng, xuất phát từ những diễn biến phức tạp của tình hình an ninh thế giới vừa qua, từ những nghiên cứu dự báo về các yếu tố có thể tác động đến tình hình an ninh của nước ta trong thời gian tới, nhất là những vấn đề an ninh phi truyền thống, an ninh trên Biển Đông và an ninh tư tưởng trong đời sống xã hội.

h. Định hướng về đối ngoại

Về phương hướng đối ngoại, Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục khẳng định những quan điểm đã

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117, 117.

được xác định tại Đại hội XII là: "thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam"[1]. Đồng thời, Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh thêm yêu cầu "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả"[2]. Đây là nội dung yêu cầu mới mà Đại hội XIII của Đảng đặt ra trong điều kiện sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta đã mở cửa, kết nối và thiết lập các mối quan hệ rộng lớn, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực với thế giới. Chúng ta đã là thành viên có uy tín của Liên hợp quốc với 2 lần tham gia vào Hội đồng Bảo an, đồng thời là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có quy mô toàn cầu và khu vực. Nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 188 trong tổng số 192 quốc gia, vùng lãnh thổ là thành viên của Liên hợp quốc. Nước ta đã có quan hệ thương mại với hơn 220 nền kinh tế trên toàn cầu. Chúng ta đã ký kết rất nhiều hiệp định thương mại với các đối tác trên thế giới, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có tầm ảnh hưởng to lớn như Hiệp định

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.117-118, 117.

Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Trong điều kiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, *chủ động và tích cực* là đòi hỏi mới, là điều kiện cho chúng ta tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, bảo vệ đất nước, chủ động, tích cực phải gắn liền với *bảo đảm hiệu quả* của quá trình hội nhập, bảo đảm cho tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước, của chế độ.

i. Định hướng về dân chủ xã hội chủ nghĩa

Về vấn đề thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu tăng cường, đề cao "*quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của nhân dân*". Đây không phải là những yêu cầu mới đặt ra lần đầu nhưng lâu nay việc thực thi còn nhiều vướng mắc, hiệu quả thực tế chưa cao. Cùng với những kết quả quan trọng về "thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước", tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ "quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân", tăng cường "dân chủ ở cơ sở"..., trên thực tế vẫn còn tình trạng "Quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm; vẫn còn

biểu hiện dân chủ hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật”[1]. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế đó là do nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa thống nhất và do những vướng mắc về thể chế, cơ chế trong tổ chức và thực hiện. Trong khi quyền dân chủ trực tiếp và quyền tự quản của nhân dân ở nhiều nơi đã thực hiện tốt với nhiều hình thức sáng tạo, thì ở một số nơi vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thực chất, còn mang tính hình thức. Vẫn còn tình trạng chưa tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thậm chí còn vi phạm quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, của cộng đồng, gây nên bức xúc xã hội, khiếu kiện vượt cấp kéo dài. Cả hai mặt, dân chủ quá trớn và độc đoán, chuyên quyền vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Nhấn mạnh yêu cầu “quyền làm chủ trực tiếp và vai trò tự quản của nhân dân” chính là cách để phát huy hiệu quả tích cực, thực tế vai trò là chủ và làm chủ của người dân trong đời sống xã hội, thể hiện đúng và đầy đủ hơn bản chất tốt đẹp của chế độ ta là chế độ của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Từ yêu cầu này dẫn đến nhiệm vụ đặt ra cho nhiệm kỳ tới là tiếp tục nhận thức rõ hơn về nội dung, tính chất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.89.

của quyền dân chủ của nhân dân trong điều kiện hiện nay; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, các điều kiện và cách thức vận hành để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt nhất quyền làm chủ của nhân dân dưới mọi hình thức, phát huy vai trò tích cực của nhân dân trong việc tự quyết định, tự quản lý trong mỗi cộng đồng.

k. Định hướng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Điểm mới của định hướng phát triển được xác định trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII là: "Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức"[1]. Đây chính là những phương hướng quan trọng, giải pháp hợp lý, những vấn đề mới đặt ra giúp cho việc xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Việc xác định những nội dung trên trong phương hướng xây dựng Nhà nước trong giai đoạn tới xuất phát từ nhận thức mới của Đảng đã được đặt ra và thể hiện trong Nghị quyết số

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.118.

18-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là: "Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu". Từ quan điểm chỉ đạo đó, Nghị quyết số 18-NQ/TW đề ra mục tiêu: "Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và

góp phần cải cách chính sách tiền lương"[1]. Đó cũng chính là xây dựng và hoàn thiện các điều kiện để bảo đảm việc kiểm soát quyền lực, siết chặt kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, một yêu cầu sống còn của hệ thống chính trị nói chung và bộ máy nhà nước nói riêng trong thời kỳ mới.

l. Định hướng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Công tác xây dựng Đảng có ý nghĩa then chốt, quyết định đối với toàn bộ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, vì thế, nội dung phương hướng xây dựng Đảng trong các Đại hội Đảng đều rất được quan tâm. Đại hội XII đề ra nhiệm vụ tổng quát thứ 11 là: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII,* Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.45-46.

chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng"[1]. Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục đặt ra các nhiệm vụ đó trong phương hướng phát triển đất nước, đồng thời có bổ sung, làm rõ hơn nội dung mới cho giai đoạn sắp tới. Đó là *gắn công tác xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*. Với trách nhiệm Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền, vai trò, ý nghĩa, hiệu quả hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có thể thông qua Nhà nước pháp quyền và hệ thống Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức, đoàn thể nhân dân. Yêu cầu xây dựng Đảng gắn liền với "xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh" chính là đặt Đảng trong cơ cấu thống nhất của hệ thống chính trị, đòi hỏi việc xây dựng đồng bộ các yếu tố tạo thành hệ thống chính trị trong đó trách nhiệm đầu tiên quyết định thuộc về Đảng. Nói cách khác, Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền đồng nghĩa với Đảng phải chịu trách nhiệm về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức của nhân dân. Đồng thời, phương hướng phát triển đề ra của Báo cáo chính trị

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.80.

cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, hoàn thiện một cơ chế vận hành khoa học, hợp lý của cả hệ thống chính trị để kiểm soát quyền lực có hiệu quả, duy trì trật tự, kỷ luật, kỷ cương nghiêm minh, bảo đảm thật sự trong sạch, nhằm đẩy lùi và tiến tới triệt để loại trừ hiện tượng tham nhũng, lãng phí, quan liêu ra khỏi hệ thống chính trị và đời sống của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ.

m. Định hướng về các mối quan hệ lớn

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định 8 mối quan hệ lớn cần phải giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước là: "(1) quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (7) giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (8) giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.26-27.

Tại Đại hội XII, Đảng ta bổ sung mối quan hệ thứ 9: "quan hệ giữa Nhà nước và thị trường". Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ra Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó "mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường" được bổ sung thêm yếu tố "xã hội" và hoàn thiện thành "*mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội*".

Báo cáo chính trị Đại hội XIII bổ sung mối quan hệ lớn thứ 10, đó là quan hệ giữa *"thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"*[1]. Việc bổ sung mối quan hệ lớn giữa "thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội" xuất phát từ nhận thức rõ hơn về vấn đề có tính quy luật trong quản lý xã hội, đó là *dân chủ* phải đi liền với *kỷ cương*, *tự do* không thể tách rời *trách nhiệm*. Mặt khác, đây cũng là một kinh nghiệm được rút ra từ kết quả nghiên cứu, tổng kết thực tiễn quản lý xã hội trong thời gian qua. Thực tế đã chỉ ra rằng, nhiều hạn chế, vấn đề phức tạp, nhất là một số hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu nảy sinh trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành bộ máy nhà nước, không ít những mâu thuẫn, xung đột gây nên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.39.

những lộn xộn trong đời sống xã hội đều có chung một nguyên nhân là không thực hành đồng bộ giữa dân chủ với pháp chế, kỷ cương. Còn có nơi, có lúc không quan tâm đầy đủ đến chế độ dân chủ, còn để xảy ra tình trạng quan liêu, cửa quyền, xa dân, tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức, thậm chí vi phạm các quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân. Thực tế ấy không chỉ dẫn đến hạn chế trong tập hợp lực lượng, huy động sức dân, phát huy tính tích cực của nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị; hơn thế, đó còn là nguyên nhân chủ yếu làm mất uy tín của tổ chức đảng, của cơ quan nhà nước, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vào chế độ. Ngược lại, cũng còn có nơi, có lúc buông lỏng kỷ cương, thực hiện luật pháp không nghiêm, thiếu quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, để xảy ra tình trạng tự do bừa bãi hoặc những lộn xộn trong xã hội, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đến cuộc sống của nhân dân. Yêu cầu đặt ra và giải quyết mối quan hệ giữa "*thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội*" chính là nhằm thực hành đầy đủ chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đồng thời và không tách rời việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật, bảo đảm một trong những điều kiện

căn bản cho một xã hội hài hòa, cuộc sống hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

V. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Văn kiện Đại hội XIII trong lĩnh vực kinh tế được thể hiện chủ yếu ở ba báo cáo: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Nhìn chung, về lĩnh vực kinh tế, cả ba văn kiện có nhiều điểm mới, nổi bật cả về nội dung và cách trình bày. Có thể khái quát những nội dung mới được thể hiện trong những phần sau: về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững

Kết quả thực hiện Đại hội XII cho thấy, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng,

kinh tế chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được tập trung thực hiện và bước đầu đạt những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng chỉ rõ hạn chế: *"Hoàn thiện thể chế; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao"*[1]. Vì vậy, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh và bền vững đất nước là yêu cầu hết sức quan trọng cho giai đoạn tiếp theo.

Điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII so với Văn kiện Đại hội XII được thể hiện ngay ở tiêu đề đã có bổ sung thành tố "phát triển nhanh và bền vững đất nước". Ngay trong mục tiêu tổng quát của Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã nêu rõ: "Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80.

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”[1]. Rõ ràng, phát triển nhanh và bền vững là yêu cầu khách quan của đất nước trong bối cảnh hiện nay vì trên thực tế mặc dù chúng ta đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng điểm xuất phát của chúng ta còn khá thấp, khoảng cách phát triển so với các nước còn cách xa. Mặt khác, trong bối cảnh mới hiện nay các điều kiện, cơ hội cho phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới đã có, vấn đề là tận dụng các cơ hội đó như thế nào trong giai đoạn tới. Để thực hiện nội dung này, Văn kiện Đại hội XIII có những nội dung mới nổi bật như sau:

a. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là nội dung lớn, chính thức được đề ra từ Đại hội XI. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định nội dung của đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế như sau: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.93.

chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh"[1]. Đại hội XII tiếp tục đề ra nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cụ thể: "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp..."[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.107.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.88-89.

Như vậy, có thể thấy vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là vấn đề lớn, quan trọng đã được nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng từ Đại hội XI đến nay và có sự nhất quán, gắn kết giữa hai quá trình này và phạm vi cơ cấu lại đã mở rộng từ chủ yếu tập trung vào ba lĩnh vực đã mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế.

Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập đến nội dung trên, nhưng nhấn mạnh mô hình tăng trưởng mới cần tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể: "*Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế*, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường,

tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”[1].

Điểm mới, được nhấn mạnh ở đây là mô hình tăng trưởng mới dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này do, *thứ nhất*, nền kinh tế của chúng ta phát triển theo chiều rộng đã tới hạn, cần đẩy mạnh phát triển theo chiều sâu; *thứ hai*, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là hết sức quan trọng, có tính quyết định tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho đất nước. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XII cũng đã nhấn mạnh cần phải chủ động và tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chính phủ cũng đã có chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết này. Trong các chỉ tiêu cụ thể của nền kinh tế cần đạt tới cho giai đoạn 2021-2025 cũng đã xác định cụ thể kinh tế số chiếm 20%, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% trong nền kinh tế. Văn kiện cũng nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.120-121.

các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: "*Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế.* Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"[1]. Ở đây, cần chú ý cơ cấu lại thị trường bất động sản, đất đai, tài nguyên để đất đai, tài nguyên được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nói chung để phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.121.

doanh nghiệp trong nước. Đây cũng chính là để khắc phục điểm yếu trong nhiều năm qua là sự thiếu gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên chưa tạo ra được sự chuyển giao công nghệ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam để thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế cũng là điểm nhấn trong Văn kiện Đại hội XIII. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60-65%"[1].

Ngoài ra, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII là nội dung cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực, quan tâm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.240.

phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng.

b. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong văn kiện của các Đại hội Đảng gần đây, nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đều được xác định là nội dung quan trọng nhằm thực hiện quá trình công nghiệp hóa rút ngắn để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các nội dung được đề cập khá toàn diện và cụ thể như tiêu chí, nội dung và cách thức thực hiện. Văn kiện Đại hội XIII kế thừa những nội dung trên nhưng nhấn mạnh những nội dung cốt lõi cần thực hiện cho giai đoạn tới phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong nước và quốc tế, nhất là tận dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nói chung, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói riêng. Trước hết, Văn kiện Đại hội XIII đề cập tới việc điều chỉnh bổ sung, nâng cao chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, các vùng phù hợp với thực tiễn đất nước và trình độ phát triển khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại; phát triển một số sản phẩm

chủ lực có thương hiệu mạnh, có uy tín trong khu vực và thế giới. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 nhấn mạnh: "Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực, thế giới"[1].

Điểm mới trong nội dung này thể hiện rất rõ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế. "Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.235.

nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới, hiện đại để phát triển các ngành công nghiệp vẫn còn có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các địa bàn lãnh thổ hợp lý hơn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp"[1]. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 còn nêu rõ mục tiêu phấn đấu nâng tỷ trọng công nghiệp trong GDP vào năm 2030 đạt trên 40%; giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD, năm 2020 giá trị gia tăng công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt trên 900 USD[2].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.123-124.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.243-244.

Tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Điểm mới nổi bật là xác định mối quan hệ giữa nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh bằng các biện pháp cụ thể như cơ chế, chính sách phát triển, ưu tiên khoa học và công nghệ, gắn nông nghiệp với công nghiệp và thị trường...

Về phát triển khu vực dịch vụ, Văn kiện Đại hội XII chú trọng đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: "Phát triển mạnh khu vực dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao"[1]. Văn kiện cũng nêu rõ một số loại dịch vụ cần tập trung ưu tiên phát triển như: du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý,... Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.125.

khoa học và công nghệ, dịch vụ văn hóa thể thao, dịch vụ thương mại,... Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

Về phát triển kinh tế biển, Văn kiện Đại hội XII khi đề cập nội dung này chủ yếu nhấn mạnh phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp dầu khí, đánh bắt xa bờ, hậu cần nghề cá... Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung này một cách tổng thể, trong đó chú ý phát triển kinh tế biển gắn với an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế gắn với môi trường và phòng, chống thiên tai; phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị ven biển. Cụ thể, Văn kiện nêu rõ: "Thực hiện tốt Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển, các khu kinh tế,

khu công nghiệp và các đô thị ven biển. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; xây dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển"[1].

Về nội dung phát triển đô thị, Văn kiện Đại hội XIII đề cập gọn hơn, tập trung vào hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị, nhấn mạnh xây dựng đô thị văn minh, thông minh phù hợp với văn hóa vùng, miền. Văn kiện nêu rõ: "Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương; tăng cường quản lý đô thị, phát triển các đô thị vệ tinh, hạn chế xu hướng tập trung quá mức vào các đô thị lớn. Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đô thị thông minh, đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc, văn hóa ở từng địa phương"[2].

Rõ ràng, quá trình đô thị hóa của nước ta trong giai đoạn tới sẽ diễn ra mạnh mẽ, đây cũng là dư địa cho phát triển nhanh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, như trong Văn kiện

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.125-126, 126.

Đại hội XIII đã nêu rõ, quá trình này hiện nay cần phải được nhìn nhận một cách tổng thể, hệ thống, đặc biệt chú ý đến tính tổng thể về quy hoạch, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng đô thị văn minh, sinh thái.

Xây dựng kết cấu hạ tầng được khẳng định là nội dung rất quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Đây được xác định là một trong ba đột phá chiến lược, đến nay nội dung này vẫn còn nguyên ý nghĩa. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần tập trung vào những trọng tâm mới để giải quyết được những vấn đề còn tồn tại đến nay và đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Tập trung ưu tiên đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, cụm công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không kết nối các vùng, khu vực, các trung tâm trong nước và quốc tế"[1]. Trong Báo cáo chiến lược nhấn mạnh tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không trọng điểm. Mục tiêu đến năm 2030 cả nước có khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.126-127.

trong đó đến năm 2025 hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông. Phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng tái tạo, bảo đảm cung cấp đủ, ổn định năng lượng cho nền kinh tế và sinh hoạt xã hội. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, vấn đề phát triển năng lượng đòi hỏi vừa bảo đảm an ninh năng lượng nhưng đồng thời chú trọng phát triển năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, phát triển công nghệ mới, tận dụng tốt nhất tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên của đất nước. Phát triển hạ tầng thủy lợi, hồ đê, đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, bão lũ, tập trung cao hơn các nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng đồng bộ, hiện đại hạ tầng đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, tạo ra sự phát triển đột phá trong lĩnh vực này. Đây chính là cơ hội để tạo sự chuyển biến căn bản, hiệu quả sản xuất trong việc tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại. Tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, v.v.. Xây dựng cơ chế đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nêu rõ: "Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin"[1].

Về phát triển kinh tế vùng, liên vùng, Văn kiện Đại hội XII chú trọng các khía cạnh thống nhất quản lý tổng hợp chiến lược, quy hoạch phát triển, đổi mới cơ chế phân cấp giữa Trung ương và địa phương, xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến nâng cao chất lượng quy hoạch vùng; đổi mới, hoàn thiện thể chế quản lý vùng có hiệu quả, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của từng vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng. Sáp nhập hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã, huyện, phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới. Đổi mới cơ chế phân cấp,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.123.

phân quyền, ủy quyền gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của Trung ương và địa phương.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 nhấn mạnh: "Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới"[1]. Đồng thời, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng chỉ rõ lợi thế cần tập trung phát triển cho từng vùng như: vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Như vậy, vấn đề phát triển vùng và liên kết vùng được Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh khía cạnh quy hoạch để vừa bảo đảm tốt không gian phát triển chung của đất nước, vừa phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của mỗi vùng trong mối liên kết, phối hợp chung giữa các vùng.

2. Tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được bắt đầu ngay từ khi tiến hành công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.251.

cuộc đổi mới, tuy nhiên đây là vấn đề rường cột trong nội dung đổi mới và rất phức tạp, đòi hỏi sự đổi mới trong nhiều lĩnh vực. Vì vậy, trong nhiều nhiệm kỳ Đại hội vấn đề này luôn được coi là một nội dung trọng tâm, cần phải được quán triệt cả về nhận thức và hành động. Đại hội VI mở đầu công cuộc đổi mới, đã đưa ra quan điểm về phát triển kinh tế thị trường. Đại hội đưa ra đường lối phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trên cơ sở củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác, khẳng định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội VII tiếp tục khẳng định: "Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác"[1]. Đại hội VIII tiếp tục khẳng định: "phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Đồng thời Văn kiện Đại hội VIII cũng nhấn mạnh đến một số yếu tố cụ thể như đổi mới kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã, thực hiện cổ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.95.

phần hóa doanh nghiệp nhà nước, v.v.. Đại hội IX xác định: nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X nêu rõ phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội XI xác định hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội XI cũng chỉ rõ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vừa theo quy luật thị trường vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Trong phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội XII tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và làm rõ, đầy đủ hơn nội hàm của nó.

Kế thừa và phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua các kỳ Đại hội Đảng từ khi đổi mới đến nay, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII nêu rõ: "Nhận thức về nền kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi động. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế tập thể từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta"[1].

Tuy nhiên, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: "Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập. Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế; chất lượng luật pháp và chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.59-60.

và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Thể chế phát triển, điều phối kinh tế vùng chưa được quan tâm và chậm được cụ thể hóa bằng pháp luật nên liên kết vùng còn lỏng lẻo”[1].

Vì vậy, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tới cần tập trung vào:

a. Thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kế thừa những nội dung về hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh cần phải tiếp tục thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như sau: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.80.

có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội"[1].

Như vậy, điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII ở nội dung này thể hiện là ngay từ đầu Văn kiện đã nêu rõ nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta và trên cơ sở đó nhấn mạnh những nội dung quan trọng của nội hàm này, để từ đó thống nhất cách hiểu và thực hiện.

Kinh tế nhà nước được khẳng định là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục các

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.128-129.

khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là điểm đặc trưng khác biệt, tiến bộ của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

Kinh tế tư nhân được khẳng định là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế và được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIII cũng nêu rõ mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong mối quan hệ này bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ

chung. Nhà nước thực hiện chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội, chuyển đổi cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang phương thức đặt hàng. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

b. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn

Điểm mới nổi bật ở đây là việc xác định hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường nói chung, nhưng tập trung vào *tháo gỡ những điểm nghẽn* đang cản trở sự phát triển kinh tế thị trường của nước ta và *nâng cao chất lượng thể chế*. Cụ thể là hoàn thiện,

nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường vừa qua đã xác định một trong những cản trở chính là hệ thống pháp luật còn chưa hoàn thiện, chồng chéo, ảnh hưởng đến phát triển nói chung. Đồng thời, trước yêu cầu phát triển mới, đặc biệt tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề mới ra đời cần phải có môi trường pháp lý bảo đảm cho sự phát triển. Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: "Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành"[1]. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.132.

chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Phấn đấu đến năm 2030 môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Tuy nội dung này đã được nêu trong các văn kiện Đại hội trước, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh việc thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản, phân biệt rõ phúc lợi, ưu đãi hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tiếp tục nhấn mạnh phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử; phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ, phát triển đồng bộ, nâng cao thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm,... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Văn kiện Đại hội XIII xác định yêu cầu phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản; thị trường quyền sử dụng đất; phát triển thị trường lao động linh hoạt gắn với cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội; phát huy

vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường; xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái,...

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp; thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đồng thời, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động, và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả các dự án đối tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng.

Ưu tiên những dự án đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, sẵn sàng chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước phát triển, tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Như vậy, Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung này rất chú ý đến thể chế: việc hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản của kinh tế thị trường như thể chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thể chế hình thành thị trường các yếu tố thị trường, các loại thị trường, thể chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp... Mục tiêu quan trọng là nâng cao chất lượng của thể chế.

c. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Điểm mới, nổi bật ở nội dung này là xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Phải nâng cao năng lực nội tại mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường. Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ: "Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế,

tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế"[1].

Trong những năm vừa qua Việt Nam đã hội nhập hết sức sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Độ mở của nền kinh tế nước ta hiện vào loại cao nhất của thế giới với tỷ trọng xuất - nhập khẩu trên GDP là hơn 200%. Việt Nam đã tham gia vào hầu hết các hiệp định đa phương thế hệ mới, cụ thể Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EU), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.135-136.

khu vực (RCEP) và mới đây là Hiệp định thương mại tự do với Vương quốc Anh. Để tham gia vào các hiệp định này Việt Nam đã có những hoàn thiện căn bản hệ thống pháp luật theo yêu cầu, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới đã khẳng định mở cửa hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được. Đồng thời, chính mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã tạo ra áp lực để chúng ta cải cách thành công. Tuy nhiên, quá trình đổi mới hội nhập quốc tế cũng cho thấy cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua các cuộc khủng hoảng, hoặc những biến động của thế giới cho thấy, để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Kinh nghiệm thu hút đầu tư nước ngoài cũng cho thấy cần phải nhận thức sâu sắc, hiệu quả của thu hút đầu tư, nhất là giai đoạn hiện nay, phải bảo đảm thu hút được công nghệ cao, công nghệ sạch và làm tốt việc chuyển giao công nghệ cũng như gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Tóm lại, những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII về lĩnh vực kinh tế được thể hiện từ nhận thức đến nội dung chính sách ở cả nội dung đánh giá tình hình, xác định những nội dung chính sách cho giai đoạn tới. Trong đó, tập trung chủ yếu vào

nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nội dung mới nổi bật được thể hiện trong việc nhìn nhận, đánh giá kết quả thực hiện trong các nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, trên cơ sở bối cảnh mới, yêu cầu mới phát triển đất nước trong giai đoạn tới đã làm rõ phương hướng, mục tiêu và chính sách phát triển cụ thể trong từng nội dung nêu trên để đạt mục tiêu phát triển chung của đất nước cho giai đoạn đến năm 2025, năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

VI. PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

1. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người

Các văn kiện quan trọng của Đảng trong các giai đoạn trước đây, Cương lĩnh năm 2011 đã đưa ra những quan điểm, định hướng lớn về phát triển giáo dục và đào tạo: "Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách

hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội"[1]. Các quan điểm trên không chỉ thể hiện sự phát triển về tư duy, nhận thức, kế thừa chủ trương nhất quán của Đảng ta qua các giai đoạn lịch sử, coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo, mà còn là vấn đề mang tính chiến lược xuyên suốt, bám sát xu thế phát triển của nhân loại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, luôn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định: "Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt"[2]. Các văn kiện quan trọng khác của Đảng, Nhà nước trong nhiệm kỳ Đại hội XI, XII tiếp tục cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo. Hội nghị Trung ương 6 khóa XI khẳng định: "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách", đòi

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.77, 130-131.

hỏi phải: đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo; hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học; cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện bảo đảm... trong toàn hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp tục cần được cụ thể hóa trong từng giai đoạn.

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học. Vai trò, vị trí các cơ sở giáo dục, nhất là giáo dục đại học trong hệ thống dần được khẳng định, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đề cao; chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, hệ thống chương trình đã được đổi mới, chú trọng phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực cũng được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh... Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo.

Hợp tác quốc tế được tăng cường theo hướng chủ động, tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, cũng như yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

Đồng thời với những thành tựu, giáo dục và đào tạo vẫn còn không ít những hạn chế về nhận thức và tổ chức thực hiện cần sớm được khắc phục. Nhận thức về triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, vai trò và sứ mệnh của giáo dục chưa đủ sâu sắc, chưa làm rõ được tính ưu việt của nền giáo dục cách mạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện, công cụ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin chưa thực sự hiệu quả; vấn đề rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng học tập, kỹ năng giải quyết vấn đề ở một số nhà trường vẫn chưa thật sự được chú trọng. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa tương xứng, còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa thực sự chú ý kỹ năng mềm cho người học. Đầu tư cho giáo dục chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Công tác quản lý cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước...

Những kết quả và hạn chế trong giáo dục và đào tạo của nhiệm kỳ Đại hội XII đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, với nhiều điểm mới.

Thứ nhất, về đề mục, các văn kiện lần này, như trong Báo cáo chính trị tập trung đề cập đến giáo dục và đào tạo ở mục V, so với Đại hội XII, tên đề mục đã thay cụm từ *"phát triển"* bằng cụm từ *"nâng cao"* chất lượng nguồn nhân lực và thêm cụm từ *"phát triển con người".* Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, vấn đề này được đề cập ở tiểu mục 3, phần V, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, với tiêu đề: *phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.* Điểm mới lần này, trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, trước đây chỉ nhấn mạnh *"phát triển nhanh giáo dục và đào tạo".*

Thứ hai, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải "Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt

để phát triển đất nước"[1]. Trước đây chỉ đề cập phương hướng chung: *"giáo dục là quốc sách hàng đầu"*. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và "Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc,... khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[2]. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, nhấn mạnh, giáo dục và đào tạo thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống,

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.136, 136-137.

chăm sóc con người. Trước đây chỉ đề cập: "Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức"[1], điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động.

Thứ tư, cụ thể hóa yêu cầu *hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân*, sắp xếp lại hệ thống trường học, phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các đối tượng chính sách. Đa dạng hóa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.130.

các loại hình đào tạo. Đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi để mỗi người dân đều có cơ hội thụ hưởng công bằng thành quả của nền giáo dục. Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. "Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới"[1]. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi ngành nghề do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, như: thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, chú trọng xây dựng nền tảng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.234.

kỹ năng nhận thức và hành vi cho học sinh phổ thông. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh. Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo. Nghiên cứu để hoàn thiện, ổn định hệ thống sách giáo khoa và chế độ thi cử ở các cấp học.

"Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế"[1].

Thứ sáu, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.232-233.

kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, "lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở"[1]. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam trên cơ sở bảo đảm công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhấn mạnh hơn yêu cầu thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; thí điểm cơ chế cho thuê một số cơ sở giáo dục sẵn có theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường.

Thứ bảy, tiếp tục hoàn thiện các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ, chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.138.

mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Thứ tám, đặt ra mục tiêu Việt Nam tham gia thị trường đào tạo nhân lực quốc tế, vì vậy yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. "Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh"[1]. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.138.

để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: *"Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại... Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới"[1]. Điều này thể hiện sự tiếp tục phát triển nhận thức, các quan điểm lớn về phát triển khoa học, công nghệ trong các giai đoạn trước đây, từ Cương lĩnh năm 1991, Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII cho đến hiện nay.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định: "Hướng trọng tâm hoạt động khoa học, công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.78.

nền kinh tế"[1]. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Bên cạnh đó, các văn kiện quan trọng của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ trong các nhiệm kỳ Đại hội XI, XII đã cụ thể hóa, như: hệ thống pháp luật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ ngày càng hoàn thiện, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng lên.

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, khoa học và công nghệ đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước.

Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, yếu kém, thậm chí là điểm nghẽn trong nhận thức và tổ chức thực hiện cần sớm được khắc phục như: nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ tuy đã được nâng lên, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu trở thành nền tảng, là quốc sách, động lực cho phát triển

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.132.

kinh tế - xã hội. Nhiều nhiệm vụ nghiên cứu chưa bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Đóng góp của khoa học và công nghệ cho tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội còn nhiều bất cập. Một số quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương chưa dựa trên cơ sở đánh giá chuyên sâu về khoa học.

Những thành tựu và hạn chế trong phát triển khoa học và công nghệ nhiệm kỳ Đại hội XII đặt ra yêu cầu phải tiếp tục xác định rõ định hướng mới nhằm phát triển mạnh mẽ lĩnh vực này trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Đại hội XIII xác định: "Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ"[1].

Thứ nhất, về đề mục, các văn kiện Đại hội XIII, như Báo cáo chính trị tập trung đề cập ở mục VI, với tiêu đề: Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, so với Đại hội XII, tiêu đề thêm cụm từ: *thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao* và đặt lên trên để nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, vấn đề được trình bày ở điểm 2, mục V - Phương hướng,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.140.

nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, với tiêu đề: *Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.* So với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, vấn đề này được trình bày ở điểm 10, mục IV - Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, trong đó tiêu đề được xác định là: *Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.*

Thứ hai, Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục làm rõ nội dung, yêu cầu: "Có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"[1]. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.140.

Thứ ba, đã cụ thể hóa hơn các ngành khoa học cần chú trọng phát triển, đó là: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt, lần đầu tiên khoa học lý luận chính trị được nhấn mạnh đậm nét. Đồng thời, đề cập cụ thể hơn yêu cầu đối với các lĩnh vực khoa học, theo đó thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội. Khơi dậy sức sáng tạo, nâng cao trách nhiệm và tôn trọng sự khác biệt trong công tác nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Gắn kết chặt chẽ khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ trong quá trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, Văn kiện Đại hội XIII rất coi trọng *ưu tiên chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ* vào các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, con người, quốc phòng, an ninh trọng yếu. Rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ gắn với đổi mới toàn diện chính sách nhân lực khoa học và công nghệ, ưu tiên thu hút nhân tài, các nhà khoa học có tâm huyết với công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước.

Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo,

chuỗi khối (blockchain), in 3D, Internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, tổ chức xã hội.

Thứ tư, Văn kiện Đại hội XII mới nêu: "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ*"[1]. Văn kiện Đại hội XIII thay từ *cơ chế* bằng *thể chế:* "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ"[2]. Chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ theo nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng. Các ngành, các cấp có trách nhiệm trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào lĩnh vực theo quy định. Nhấn mạnh, *phạm vi tập trung hoàn thiện thể chế*, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.121.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.141.

thông lệ quốc tế, nhất là nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới. "Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ"[1]. Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương.

Thứ năm, nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực *đổi mới sáng tạo quốc gia*, lấy nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển con người làm mục tiêu. "Tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.226.

lĩnh vực khoa học và công nghệ”[1]. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Có chính sách hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật quốc tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đa dạng hóa hợp tác quốc tế, ưu tiên hợp tác với các đối tác chiến lược. Gắn hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh. Đồng thời, xác định rõ *trọng tâm hợp tác quốc tế* về khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới, đó là: “Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến”[2], gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế. Phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ sáu, đã xác định rõ hơn nguyên tắc trong chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ là: *theo nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng*. Tăng cường đầu tư phát

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.142, 230.

triển khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân. Hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp *đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ*. Các ngành, các cấp có trách nhiệm trong việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Trọng tâm đổi mới cơ chế hoạt động và tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Lấy việc nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế là *tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của khoa học, công nghệ*. Tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập. "Cơ cấu lại, nâng cao năng lực, hiệu quả các cơ sở nghiên cứu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường"[1]. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.228.

trường đại học, nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ mới.

Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, gắn với nhu cầu xã hội, chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Lựa chọn và tập trung hỗ trợ triển khai nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ cho một số ngành và lĩnh vực then chốt. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, triển khai, trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả. Đổi mới căn bản cơ chế quản lý ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ; thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng nghiên cứu các đề tài khoa học, công nghệ.

Thứ bảy, để phát huy và tăng cường *tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia,* Văn kiện Đại hội XIII xác định cụ thể hơn, đó là: Phát triển một số ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn, trực tiếp góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực của đất nước. Nâng cao năng lực hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ cấu lại các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc làm mục tiêu.

Phát triển hạ tầng số và bảo đảm an ninh mạng, tạo điều kiện cho người dân và các doanh nghiệp thuận lợi, an toàn tiếp cận nguồn tài nguyên số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn. Nhấn mạnh *vị trí doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo*; mục tiêu, một số lĩnh vực công nghệ ưu tiên phát triển trong thời gian tới. Theo đó, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%. Phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.

Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, năng lượng, môi trường. Phát huy vai trò của các quỹ về phát triển khoa học và đổi mới công nghệ trong thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các khu công nghệ cao.

Phát triển mạnh mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá chuyển giao công nghệ. Kết nối có hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương. Tập trung nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp. Khuyến khích nhập khẩu, chuyển giao công nghệ tiên tiến của thế giới. Tạo áp lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh để thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng công nghệ, tăng năng suất lao động. Phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Mở rộng và nâng cao hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

Có thể khẳng định, những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước, ở thời điểm chuẩn bị kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Để đạt được mục tiêu đó, vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ có vị trí then chốt, vì thế những điểm mới về các vấn đề này trong các văn kiện Đại hội XIII có nhiều ý nghĩa sâu sắc:

- Khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta coi giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới.

- Thể hiện sự nhanh nhạy của Đảng, Nhà nước Việt Nam, thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- Tiếp tục làm sáng tỏ hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lộ trình và bước đi phù hợp, lấy con người là trung tâm, trên nền tảng của sự phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

VII. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Báo cáo chính trị và các văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục một cách nhất quán các phương hướng phát triển về văn hóa, con người, quản lý phát triển xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã được khẳng định trong các văn kiện Đại hội XII của Đảng. Về xây dựng và phát triển con người, đó là: Xây dựng

con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản và hệ thống truyền thông; phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa và con người. Về quản lý phát triển xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, các phương hướng phát triển đã được Đại hội XII khẳng định là: Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội; gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội; coi trọng chăm sóc

sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đồng thời, trên cơ sở những nhận thức mới về lý luận, những thay đổi của bối cảnh lịch sử thế giới và điều kiện thực tế trong nước, những yêu cầu mới đặt ra của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian tới, các văn kiện Đại hội XIII cũng bổ sung, phát triển thêm nhiều nội dung mới:

1. Trong lĩnh vực văn hóa và con người, các văn kiện Đại hội XIII không chỉ đặt ra vấn đề "đúc kết, xây dựng hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam", mà còn nhấn mạnh, làm rõ hơn yêu cầu về "xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới"[1]. Trong điều kiện đất nước ngày càng phát triển, hội nhập ngày càng sâu rộng vào các tiến trình của thế giới, việc gắn bó chặt chẽ mối quan hệ giữa "*hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người*" với "*hệ giá trị gia đình Việt Nam*" là một nhận thức mới, trong đó đặt hệ giá trị gia đình vào vị thế vốn rất quan trọng của nó, với tư cách là các tế bào của xã hội, là hạt nhân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.143.

lưu giữ và phát huy các giá trị quốc gia, giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Hơn thế nữa, gia đình cũng chính là môi trường giáo dục đầu tiên vô cùng quan trọng, đặc biệt là nơi hình thành và nuôi dưỡng những mầm mống đầu tiên có ý nghĩa định hướng về tính cách của mỗi con người. Vì thế, đây cũng chính là cách đặt vấn đề về sự cần thiết phải quan tâm, có những giải pháp, điều kiện tích cực hơn trong việc xây dựng và phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam trong điều kiện mới.

Trong các văn kiện Đại hội XIII, vấn đề *chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng phát triển con người* được nhấn mạnh, là một nội dung mới, thể hiện nhận thức của Đảng ngày càng sâu sắc hơn về vai trò, vị trí và ý nghĩa quan trọng của việc giáo dục, bồi dưỡng nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần, hài hòa giữa các nhu cầu kinh tế và đời sống đạo đức, văn hóa. Trong vấn đề phát triển con người, Báo cáo chính trị và các văn kiện Đại hội XIII đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề giáo dục và bảo vệ trẻ em, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, coi đây là đối tượng quyết định tương lai của đất nước, cần được giáo dục, bồi dưỡng toàn diện, song cũng là lớp người dễ bị tổn thương, cần được quan tâm bảo vệ và chăm sóc tốt hơn nữa. Những nội dung được nhấn mạnh trong giáo dục, bồi dưỡng con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng là

"lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội"; "nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt Nam"[1].

Trong việc giáo dục, bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam, Báo cáo chính trị nêu rõ một nội dung mới, đó là "Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại"[2]. Đây là lần đầu tiên trong văn kiện chính thức của Đảng đặt vấn đề *khắc phục những hạn chế* trong mối quan hệ hữu cơ, không tách rời với việc giáo dục, phát huy những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam đã được hình thành trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó chính là một bước nhận thức mới rõ hơn, sâu sắc và toàn diện hơn về văn hóa và con người Việt Nam, vừa khẳng định giá trị tốt đẹp, những giá trị tích cực có ý nghĩa căn bản và quyết định làm nên bản sắc văn hóa và con người Việt Nam, vừa nhìn thẳng vào sự thật với tinh thần tự phê bình, phê bình nghiêm khắc. Khắc phục những hạn chế và phát huy

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.143, 143.

những mặt tốt đẹp trong truyền thống như hai mặt đồng thời góp phần xây dựng và không ngừng hoàn thiện con người Việt Nam.

Cùng với vấn đề giáo dục, xây dựng con người Việt Nam nói chung, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu "Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, đơn vị"[1]. Việc đề cao *tính tiên phong, gương mẫu* của cán bộ, đảng viên không đơn thuần là trong ngôn từ lời nói, cách thức giao tiếp, mà phải xuất phát từ nhận thức, thái độ, đạo đức, lối sống dân chủ, tôn trọng nhân dân, thái độ trách nhiệm và tình thương yêu với đồng chí, đồng nghiệp, nhằm xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đề cao và thực hiện tính tiên phong trong văn hóa ứng xử là một nội dung quan trọng của việc xây dựng *văn hóa trong chính trị*, trong đó "Chú trọng chăm lo văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể", một yêu cầu đã được đặt ra từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW), ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.262.

đất nước, coi xây dựng văn hóa trong Đảng như một "nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh". Nội dung trọng tâm của xây dựng văn hóa trong Đảng được xác định là "... xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên"[1].

Những nội dung mới nổi bật trên chính là những yếu tố cốt tử để xây dựng và phát huy những phẩm chất tốt đẹp, hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam. Đồng thời đây cũng là những điều kiện không thể thiếu để thực hiện được một định hướng phát triển rất quan trọng, tạo thành một động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong thời gian tới, đó là: "khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại

---

1. Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"[1]; "Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững"[2].

2. Đối với các loại hình hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, truyền thông, điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng là "Chú trọng nâng cao giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đồng thời bảo đảm tự do, dân chủ trong sáng tạo văn học, nghệ thuật"[3]; quan tâm "phát triển văn hóa, văn nghệ của các dân tộc thiểu số"; "đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật,... khuyến khích tự do sáng tạo, thực thi quyền tác giả"[4]; "Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng"[5]. Đây chính là những vấn đề được rút ra từ tổng kết, vừa cho thấy chúng ta thực hiện chưa thật tốt hoặc chưa đầy đủ, toàn diện, vì thế tạo nên những rào cản, những yếu tố tác động làm hạn chế thành tựu trong sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, qua đó hạn

---

1, 2, 3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.34, 215-216, 145, 145, 263-264.

chế sự phát triển và cải thiện đời sống tinh thần của nhân dân. Mặt khác, đây cũng là những vấn đề cần phải được nhận thức đúng hơn, rõ hơn trong điều kiện đời sống kinh tế - xã hội trong nước đã có nhiều biến đổi, đất nước đang hội nhập ngày càng sâu vào thế giới với sự rộng mở về tầm nhìn và những luật chơi chung, những giá trị phổ biến với tính nhân loại.

Các văn kiện Đại hội XIII tiếp tục yêu cầu phát triển *công nghiệp văn hóa* nhưng đã có diễn đạt thể hiện cách thức và mức độ tiếp cận mới. Nếu Báo cáo chính trị Đại hội XII yêu cầu chung là "Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa", thì Báo cáo chính trị Đại hội XIII đặt ra yêu cầu cụ thể hơn, nhấn mạnh mối quan hệ giữa công nghiệp văn hóa với sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam và việc tiếp thu, vận dụng có chọn lọc, sáng tạo những thành tựu, giá trị văn hóa của nhân loại. Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng xác định: "Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.145.

Về lĩnh vực báo chí, truyền thông, các văn kiện Đại hội XIII tiếp tục yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đã đặt ra từ Đại hội XII, trong đó yêu cầu các cơ quan báo chí, truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Đồng thời, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh mục tiêu "Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại"[1]. Thực chất yêu cầu trên là sự tiếp tục nhất quán chủ trương của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01/8/2007 về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới, trong đó xác định: "Báo chí phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ công tác tư tưởng, tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới. Coi trọng đúng mức việc phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh, góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội; phản bác có hiệu quả

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.146.

những thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng; tiếp tục phát huy tiềm lực và ưu điểm, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm, nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, mở rộng đối tượng độc giả, vươn lên hiện đại về mô hình tổ chức hoạt động, về cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ"[1]. Yêu cầu xây dựng nền báo chí, truyền thông nhân văn và hiện đại cũng thể hiện chủ trương của Đảng trong việc gắn kết thống nhất giữa hai mặt *phát triển* và *quản lý* trong quá trình xây dựng và vận hành một công cụ quyền lực vô cùng quan trọng của Đảng, của chế độ. Phát triển hệ thống báo chí, truyền thông mạnh, phong phú, nhân văn và hiện đại chính là xây dựng, củng cố một công cụ của Đảng trong giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ văn hóa và nhận thức chính trị cho nhân dân, động viên, cổ vũ sức mạnh to lớn của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là xây dựng và tăng cường một loại hình vũ khí vô cùng sắc bén, lợi hại của Đảng trong cuộc đấu tranh chống các âm mưu thù địch, phá hoại của kẻ thù, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ nhân dân,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.49.

bảo vệ chế độ, bảo vệ những thành tựu cách mạng và công cuộc hòa bình xây dựng, phát triển đất nước. Nhưng phát triển báo chí, truyền thông phải gắn liền với tăng cường quản lý, bảo đảm cho báo chí, truyền thông hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, thực sự và luôn luôn là trường học cộng sản của nhân dân, vũ khí tư tưởng của Đảng, phương tiện quản lý của Nhà nước. Quản lý chính là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển hiện đại của báo chí, truyền thông, không phải là yếu tố hạn chế sự phát triển, hạn chế sức mạnh và vai trò vô cùng quan trọng của báo chí, truyền thông trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với mục đích ấy, vấn đề đặc biệt nổi lên và có tính thời sự hiện nay chính là sự phát triển nhanh chóng và ảnh hưởng mạnh mẽ vào đời sống xã hội của internet và mạng xã hội. Quan điểm rất rõ ràng của Báo cáo chính trị Đại hội XIII là "Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên internet. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục"[1]. Một lần nữa, quan điểm về quản lý

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.146.

gắn liền với phát triển lại được thể hiện trong chủ trương của Đảng đối với internet, một loại hình phương tiện truyền thông ngày càng phổ biến, đang làm thay đổi nhanh chóng lối sống của người dân và ngày càng tác động mạnh mẽ vào đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

3. Về lĩnh vực xã hội, tại Đại hội XII, lần đầu tiên các vấn đề xã hội được diễn đạt theo cách tiếp cận mới là "quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội", được đưa vào Báo cáo chính trị thành một mục riêng. Điều này thể hiện nhận thức mới của Đảng ta về vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng và tư duy mới về phương pháp, cách thức giải quyết của *vấn đề xã hội* và *quản lý các quá trình phát triển* của xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm sự phát triển hài hòa, ổn định, bền vững cho xã hội, xây dựng và giữ gìn môi trường sống tốt đẹp cho sự phát triển toàn diện và hoàn thiện con người Việt Nam hiện đại. Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục khẳng định nội dung, vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nhưng nhấn mạnh yêu cầu *bền vững* như mục tiêu chung trong toàn bộ các vấn đề ấy. Đồng thời, các văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ ra một số nội dung mới, cụ thể hơn về phương pháp tiếp cận, nội dung, mục tiêu, ý nghĩa và yêu cầu đối với lĩnh vực này.

Về *nhận thức đối với các vấn đề xã hội*, Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu "bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội"[1], trong đó "Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người"[2]. Đây là sự tiếp nối nhất quán nhận thức của Đảng về vai trò, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội như một nội dung đặc biệt quan trọng vì mục tiêu phát triển con người. Đó cũng là hạt nhân của định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội ta. Tuy nhiên, trong điều kiện mới đang có nhiều khó khăn, thách thức đặt ra, ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển bền vững của con người và xã hội. Đó là những vấn đề chung, có tính chất toàn cầu như: biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, dịch bệnh, nguồn nước, những ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ đến lối sống, đạo đức xã hội, v.v.. Đó cũng là những vấn đề riêng của nước ta xuất phát từ tình hình thực tế cũng như ảnh hưởng từ các tiến trình kinh tế, chính trị của thế giới và khu vực như: quá trình biến đổi cơ cấu và già hóa dân số, sự phân tầng xã hội, sự chênh lệch

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.147, 147-148.

về hưởng thụ giữa các khu vực, tình trạng tội phạm, mất an toàn về giao thông, ô nhiễm môi trường, rác thải, tệ nạn xã hội còn phức tạp, v.v.. Trong bối cảnh ấy, Báo cáo chính trị nhấn mạnh đến yêu cầu về "phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người" chính là nhằm bảo đảm cho sự phát triển bền vững của con người và xã hội, thể hiện đúng bản chất của chế độ ta là lấy con người là mục tiêu phát triển, là chế độ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Trong *chính sách quản lý phát triển xã hội*, cùng với những yêu cầu cơ bản đã được xác định nhất quán từ Đại hội XII như gắn chính sách phát triển kinh tế với phát triển xã hội, quản lý hài hòa các quan hệ xã hội, quan hệ giữa các bộ phận dân cư, xử lý kịp thời các xung đột nảy sinh trong xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân..., các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh về *chính sách huy động và phân bổ các nguồn lực* cho các vấn đề xã hội. Báo cáo chính trị nêu rõ: "Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức"[1]. Yêu cầu mới này bao gồm cả hai mặt:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.148.

huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội và phân bổ một cách công bằng, hợp lý, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực của Nhà nước, tư nhân, các tổ chức của nhân dân để giải quyết các vấn đề xã hội.

Đối với *vấn đề lao động*, các văn kiện Đại hội XIII đặt ra vấn đề một cách hệ thống, toàn diện hơn, bao gồm: xây dựng thị trường lao động, tạo công ăn việc làm, chính sách tiền lương, hỗ trợ thất nghiệp. Về *thị trường lao động*, các văn kiện Đại hội XIII không chỉ khẳng định sự cần thiết phải phát triển một thị trường lao động thật sự, mà còn chỉ ra rất rõ về phương hướng, tính chất và yêu cầu của thị trường lao động. Đó là "Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững"[1], "... phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập, có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước"[2]. Đặc biệt, các văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh sự cần thiết phải quan tâm đến lao động khu vực phi chính thức, nhất là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề. Đây là bộ phận yếu thế, dễ tổn thương trong xã hội, cần phải được tạo các điều kiện thuận lợi để có thể tham gia vào khu vực lao động chính thức, giảm thiểu và khắc phục những rủi ro trong cuộc sống.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.149, 269.

Về *chính sách tiền lương*, nếu như Báo cáo chính trị Đại hội XII chỉ nêu yêu cầu chung là "Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắc phục cơ bản những bất hợp lý", thì Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ yêu cầu, tính chất của chính sách tiền lương, đó là "chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả"[1]. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 cụ thể hóa hơn một bước về chính sách tiền lương đối với khu vực công, khu vực doanh nghiệp, nhằm mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Về *vấn đề dân số*, lần đầu tiên các văn kiện Đại hội XIII đề cập vấn đề dân số vàng và dự báo về thời kỳ già hóa dân số. Từ nhận thức về những thuận lợi của thời kỳ dân số vàng và những dự báo về quá trình già hóa dân số, Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu: "... phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.149.

già hóa dân số"[1], đồng thời nâng cao chất lượng dân số gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 xác định chủ trương "chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển". Theo đó, trung tâm của chính sách dân số trong giai đoạn tới là các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dân số. Đặc biệt trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đặt ra 2 chỉ tiêu: Mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,12 con tức là điều kiện để bảo đảm *mức sinh thay thế* và đến năm 2025 đạt tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái nhằm bảo đảm sự *cân bằng giới tính*. Đây cũng chính là 2 vấn đề đặt ra từ thực tế dân số nước ta thời gian qua, trong đó mức sinh của phụ nữ, nhất là phụ nữ ở khu vực đô thị giảm nhanh, có nguy cơ không bảo đảm mức sinh thay thế; mặt khác, tỷ số giới tính khi sinh ngày càng chênh lệch dẫn đến nguy cơ mất

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.151.

cân bằng giới tính, ảnh hưởng tiêu cực đến sự bền vững về dân số.

Về *chăm sóc sức khỏe của người dân,* yêu cầu mới đặt ra trong các văn kiện Đại hội XIII là tiếp tục hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chính sách chăm sóc y tế, cải thiện tầm vóc con người Việt Nam. Đặc biệt, từ tác động và những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế khống chế đại dịch Covid - 19, các văn kiện Đại hội XIII đều nhấn mạnh việc tiếp tục cải thiện điều kiện khám, chữa bệnh cho nhân dân, đổi mới chính sách bảo hiểm y tế, xây dựng và củng cố hệ thống y tế, nhất là hệ thống y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới; nâng cao năng lực nghiên cứu, chủ động sản xuất vắcxin, thuốc sáng chế.

VIII. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Những năm gần đây, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu đã tác động mạnh mẽ, gây ra những tác động, thiệt hại to lớn đối với sự phát triển

kinh tế, cuộc sống của nhân dân, ổn định và phát triển của mọi quốc gia, đe dọa sự sinh tồn của cả nhân loại; Liên hợp quốc đã có những chương trình toàn cầu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; nước ta đang và sẽ là một trong những nước chịu tác động nghiêm trọng nhất của những yếu tố này. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của nước ta đạt được những kết quả tích cực, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân. Các văn kiện Đại hội XIII, cả trong Báo cáo chính trị, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đều đã dành nhiều quan tâm hơn các Đại hội Đảng trước đây về vấn đề này và có nhiều điểm mới so với Đại hội XII.

1. Những điểm mới trong chỉ tiêu về môi trường

Các chỉ tiêu về môi trường được xác định trong Văn kiện Đại hội XII ít hơn, yêu cầu đề ra thấp hơn, như: Đến năm 2020, 15% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; 85% chất thải nguy hại, 95-100% chất thải y tế được xử lý; tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

Các chỉ tiêu về môi trường được xác định trong Văn kiện Đại hội XIII nhiều hơn, yêu cầu cao hơn.

Báo cáo chính trị đề ra các chỉ tiêu về môi trường của đất nước trong thời kỳ 5 năm 2021-2025, đến năm 2025: (1) Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95-100%, của dân cư nông thôn là 93-95%; (2) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; (3) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; (4) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; (5) Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%. Quyết tâm phấn đấu đạt các mục tiêu và chỉ tiêu ở mức cao nhất. Đồng thời, chuẩn bị các phương án để kịp thời thích ứng với những biến động của tình hình[1].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đề ra các chỉ tiêu về môi trường của đất nước trong chiến lược 10 năm 2021-2030, đến năm 2030: (1) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%; (2) Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%; (3) Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính; (4) 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; (5) Tăng diện

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.113-114.

tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3-5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

2. Những điểm mới trong định hướng phát triển đất nước và nhiệm vụ trọng tâm

a. Về định hướng

Báo cáo chính trị Đại hội XII đề ra 12 nhiệm vụ tổng quát, trong đó có nhiệm vụ: khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai; ứng phó với biến đổi khí hậu (nhiệm vụ thứ 6). Trong nhiệm vụ thứ 12, về quán triệt và xử lý tốt các mối quan hệ lớn có quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội (chưa có vấn đề môi trường).

Báo cáo chính trị Đại hội XIII đề ra 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó định hướng thứ 6 về lĩnh vực bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu có nhiều nội dung mới, cụ thể, thể hiện quyết tâm cao, như: quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,

thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

Trong định hướng thứ 12 *"Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn"*, do ý nghĩa và tầm quan trọng ngày càng lớn của vấn đề bảo vệ môi trường đối với sự phát triển đất nước, đối với bảo vệ, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân hiện nay và cho các thế hệ mai sau, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã từng được nêu ra từ các Đại hội trước, được bổ sung thêm nội dung mới là "bảo vệ môi trường" để trở thành mối quan hệ "giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường"[1].

b. Về nhiệm vụ trọng tâm

Báo cáo chính trị Đại hội XII đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2016-2020; trong đó không có nội dung về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2021-2025. Do tầm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.119.

quan trọng và ý nghĩa cấp thiết của vấn đề quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nội dung này được xác định là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện. Đó là nhiệm vụ trọng tâm thứ 6: Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Những điểm mới trong nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu

a. Về quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên

Báo cáo chính trị Đại hội XII đề ra các nhiệm vụ tập trung vào trách nhiệm quản lý nhà nước (chưa đề cập đến vai trò của thị trường): Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế của các tài nguyên quốc gia. Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững các yếu tố tài nguyên quốc gia. Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả. Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước; chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ nguồn nước xuyên quốc gia...

Báo cáo chính trị Đại hội XIII đề ra các nhiệm vụ vừa nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, vừa phát huy vai trò của cơ chế thị trường trong lĩnh vực này: Đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế, hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên. Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực. Hoàn chỉnh công tác điều tra cơ bản, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên khoáng sản, đất, nước, rừng, biển của đất nước. Hiện đại hóa lĩnh vực địa chính, dịch vụ công về đất đai. Phát triển lành mạnh thị trường quyền sử dụng đất, chú trọng thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, khắc phục tình trạng đầu cơ đất. Quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả đất công, đất có nguồn gốc nông, lâm trường. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách thúc đẩy tích tụ, tập trung đất nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng để đất hoang hóa, sử dụng đất lãng phí; tăng cường quản lý, khắc phục suy thoái đất. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất; kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các vi phạm, tranh chấp, lấn chiếm đất đai. Kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng,

trục lợi, làm thất thoát nguồn thu ngân sách liên quan đến đất đai. Xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia. Hoàn thiện luật pháp, chính sách, nhất là cơ chế tài chính về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo đảm công bằng, hiệu quả, bền vững trên nguyên tắc của kinh tế thị trường và quản lý tổng hợp nguồn nước.

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 yêu cầu: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên. Thực hiện hạch toán giá trị phù hợp của tài nguyên thiên nhiên, đất, nước, rừng, khoáng sản... vào hệ thống tài khoản quốc gia. Thực hiện đăng ký bắt buộc về quyền sử dụng đất. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ, đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, đặc biệt là nguồn nước ngọt, nước ngầm. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở các lưu vực sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Kông và sông Hồng.

b. Về bảo vệ môi trường

So với Đại hội XII, trong Văn kiện Đại hội XIII, vấn đề bảo vệ môi trường được quan tâm nhấn mạnh

hơn, những nhiệm vụ, giải pháp đề ra nhiều hơn, mạnh mẽ hơn, mang tính chủ động hơn, ở nhiều lĩnh vực hơn, cụ thể hơn, yêu cầu cao hơn:

Báo cáo chính trị Đại hội XII đề ra các nhiệm vụ: hoàn thiện hệ thống luật pháp có chế tài đủ mạnh mẽ để ngăn chặn, xử lý theo pháp luật tình trạng gây ô nhiễm môi trường; ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường tự nhiên. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở nông thôn, các làng nghề, khu công nghiệp, các lưu vực sông, không để phát sinh thêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII đề ra các nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát môi trường, dự báo và cảnh báo ô nhiễm và thảm họa môi trường, dịch bệnh. Có kế hoạch khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân. Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, các ngành, doanh nghiệp dựa nhiều vào tài nguyên, gây ô nhiễm, nguồn phát thải khí nhà kính. Tập trung xử lý chất thải, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải.

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và

phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 yêu cầu: Thể chế hóa đầy đủ các nguyên tắc thị trường trong chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo, phục hồi môi trường; nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường. Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Tăng cường giám sát, nâng cao chất lượng môi trường không khí, xử lý rác thải ở các đô thị, khu công nghiệp tập trung, khu đông dân cư. Cải thiện môi trường ở các làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Ngăn ngừa, giảm rác thải nhựa, kiểm soát ô nhiễm môi trường và phục hồi hệ sinh thái biển. Xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn.

c. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Đại hội XII đã đề ra nhiệm vụ chủ động thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai với những giải pháp cụ thể, như: nâng cao năng lực dự báo; đầu tư thích đáng cho các chương trình, công trình trọng điểm quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống, hạn chế tác động của lũ lụt, hạn hán, sạt lở bãi sông,

bãi biển, triều cường, xâm nhập mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long...

Trước tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ra nhanh, phức tạp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ngày càng nhiều, cường độ và tác động tàn phá ngày càng lớn, *Đại hội XIII* đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực này, đã đề ra nhiều chủ trương, nhiệm vụ cụ thể hơn, đầy đủ, toàn diện hơn để ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. *Báo cáo chính trị* đề ra nhiệm vụ: Nâng cao năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo khí tượng, thủy văn và cảnh báo thiên tai; năng lực chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ, năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai. Huy động, ưu tiên các nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, tránh, hạn chế, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu gây ra.

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 yêu cầu: Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cácbon thấp. Tăng cường chia sẻ thông tin,

minh bạch, xây dựng cơ chế liên kết vùng trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu, xây dựng phương pháp, quy trình dự báo, cảnh báo thiên tai, động đất, sóng thần, biến đổi khí hậu, nước biển dâng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, lún sụt, sạt lở bờ sông, bờ biển ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung; lũ ống, lũ quét, sạt lở ở các khu vực trung du, miền núi...

Đại hội XIII đồng thời đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, huy động sự tham gia của toàn dân vào công tác khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao về tài nguyên, môi trường, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu của đất nước. Chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi vi phạm. Đại hội XIII, so với Đại hội XII, đặc biệt nhấn mạnh

tới nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đại hội đề ra nhiệm vụ: Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ thông tin, phối hợp nghiên cứu, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện các cam kết quốc tế, góp phần cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái toàn cầu, đi tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương.

IX. BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Quốc phòng, an ninh là lĩnh vực vô cùng quan trọng và là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên luôn được thể hiện sâu sắc và rõ nét trong văn kiện các Đại hội Đảng. Qua mỗi kỳ Đại hội, những nhận định, đánh giá, định hướng chính sách của lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tùy theo tình hình thực tế, đều có sự bổ sung, phát triển mới.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: "Tiếp tục giữ vững và

tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang... Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước"[1]. Điểm mới của Đại hội XIII là đã đề cập đến một số khía cạnh nổi bật, cũng là những yếu tố tạo nên bức tranh tổng thể tươi sáng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh: (1) Tư duy về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có bước phát triển và ngày càng hoàn thiện, sự kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa và đối ngoại ngày càng hiệu quả. (2) Đã ban hành và triển khai đồng bộ các chiến lược quan trọng như Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng. (3) Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ về đối tác, đối tượng có bước chuyển biến quan trọng. (4) Chủ động đấu tranh kịp thời,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.67-68.

hiệu quả, từng bước đẩy lùi các loại tội phạm và ứng phó kịp thời các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. (5) Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có mặt tiến nhanh lên hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ rõ những hạn chế. Đó là việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao. Công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa thật chủ động; tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; an ninh trên một số địa bàn, lĩnh vực chưa thật vững chắc, nhất là an ninh mạng, an ninh trong đầu tư nước ngoài; nhiều yếu tố ảnh hưởng đến an ninh, an toàn con người chưa được quan tâm giải quyết triệt để; xử lý khiếu kiện đông người về đất đai và một số tình huống phức tạp nảy sinh ở một số địa bàn, cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng còn hạn chế. Việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế đơn thuần, trước mắt.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết. Vì vậy, Đại hội XIII xác định: Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

So với Đại hội XII, việc xác định phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Đại hội XIII có mặt đậm nét hơn và có những điểm mới:

1. Bổ sung nội dung trọng yếu của quốc phòng, an ninh

Khi trình bày mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã thống nhất về cơ bản với nội dung của văn kiện Đại hội XII, nhưng có bổ sung thêm một đoạn mới để nhấn mạnh những nhiệm vụ mới nổi lên cần giải quyết. Đó là: "giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[1]. Đồng thời còn nhấn mạnh thêm: "Có kế sách ngăn ngừa các

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.156.

nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển"[1].

2. Nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng và an ninh rõ nét hơn, toàn diện hơn

Văn kiện Đại hội XII đã khái quát: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Báo cáo chính trị Đại hội XIII thể hiện vấn đề này một cách đầy đủ hơn: "Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ "thế trận lòng dân" trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân... Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.156-157.

phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể"[1].

3. Xác định rõ hơn nhiệm vụ xây dựng lực lượng

Giống như nội dung trong văn kiện Đại hội XII là xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: "Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"[2]. Văn kiện Đại hội XIII đã bổ sung mới nhiệm vụ "Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển. Quan tâm xây dựng lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ sở đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở"[3]. Văn kiện Đại hội XIII còn nhấn mạnh điểm mới: "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"[4].

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.157, 158, 158, 160.

4. Xác định rõ hơn nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh

Trước những diễn biến mới nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực cũng như sự phát triển mạnh mẽ các loại vũ khí, trang thiết bị hiện đại do việc ứng dụng những thành quả khoa học và công nghệ, cần phải có sự nghiên cứu, phát triển lý luận về an ninh, quốc phòng. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, quân sự, an ninh, nghệ thuật quân sự, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh xã hội trong tình hình mới. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, giữ vững thế chủ động chiến lược; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và cho toàn dân, bảo đảm phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức về đối tác và đối tượng; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"[1].

5. Xác định rõ hơn nhiệm vụ triển khai thực hiện các chiến lược về quốc phòng, an ninh

Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh: Hoàn thiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.159.

hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh. Đến nay các chiến lược về quốc phòng, an ninh đã được hoàn thiện nên Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh điểm mới là: "Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác"[1].

Để thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Báo cáo chính trị Đại hội XIII xác định: "Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.160, 160-161.

X. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Đại hội XIII khẳng định sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật và có một số điểm mới: *Thứ nhất,* quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác. *Thứ hai,* chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác. *Thứ ba,* tăng cường công tác bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài[1].

Tuy nhiên, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt, có lúc chưa theo kịp diễn biến của tình hình, chưa lường hết những tác động bất lợi; chưa khai thác tốt và phát huy hiệu quả các quan hệ lợi ích đan xen với các đối tác quan trọng; sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong công tác đối ngoại chưa chặt chẽ, thường xuyên.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.69-70.

Đại hội XIII xác định triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng với các điểm mới sau:

1. Lợi ích quốc gia - dân tộc luôn được quan tâm và xác định là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Báo cáo chính trị Đại hội XII nhấn mạnh: "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi..."[1]. Báo cáo chính trị Đại hội XIII có cách nhìn nhận và xác định rõ hơn: "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi"[2].

Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm rất nhiều yếu tố lợi ích: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia ngày càng tăng lên, tất cả các nước đều chịu ràng buộc bởi luật chơi chung, mỗi quốc gia không còn là một cá thể riêng biệt

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.153.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.161-162.

mà phải chấp nhận hoặc gắn bó với nhau trong các mối quan hệ, liên kết hợp tác và cả cạnh tranh xung đột do sự đan xen cùng chiều và khác biệt về lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong quan hệ phức tạp đó, bất kể quốc gia nào nếu chỉ theo đuổi lợi ích vị kỷ của mình sẽ dẫn tới căng thẳng, đối đầu. Chính vì thế, văn kiện Đại hội XIII trình bày như vậy là thấu đáo, nhạy bén và xác đáng trong tình hình thực tế của thế giới.

2. Xác định rõ hơn vai trò của hoạt động đối ngoại

Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước"[1]. Đây là lần đầu tiên Văn kiện Đại hội Đảng xác định cụ thể và sâu sắc vị trí, vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Điều đó làm sáng rõ hơn nhiệm vụ trọng yếu của công tác đối ngoại là tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.162.

đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

3. Xác định chủ trương mới trong xây dựng nền ngoại giao và đội ngũ cán bộ đối ngoại

Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ: "...đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp"[1]. Đến Đại hội XIII, Báo cáo chính trị đã xác định: "Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân"[2]. Như vậy, cùng với chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến tới hiện đại, Đại hội XIII đề cập đến việc xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Đây là bước tiến mới có tính đột phá đối với hoạt động đối ngoại.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.156.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.162.

Cùng với việc chú trọng xây dựng nền ngoại giao hiện đại, Đại hội XIII còn xác định: "Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế..."[1].

4. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng

Văn kiện Đại hội XII chủ trương: Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn và xác định những định hướng và nhiệm vụ sâu rộng hơn về hội nhập quốc tế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.165, 164.

Rõ ràng là Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát và vận dụng linh hoạt trong quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không giới hạn trong một phạm vi hay một lĩnh vực nào của đời sống quốc tế mà nó lan tỏa ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Thực hiện hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng là tham gia vào các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Muốn việc thực hiện đó có hiệu quả nhất định phải tăng cường nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc.

5. Chủ động, tích cực đóng góp đối với các hoạt động quốc tế

Văn kiện Đại hội XII nêu rõ: Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Nhằm cụ thể hóa hơn và nâng cao tính chủ động, tích cực, hiệu quả các hoạt động quốc tế, Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế

quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết”[1].

XI. PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: “*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”[2]. Đây là những quan điểm được tổng kết, có tính khái quát cao về dân chủ, khẳng định bản chất của chế độ xã hội ta là “dân chủ” và “nhân dân làm chủ”, trở thành một trong tám đặc trưng của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Các văn bản quan

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.164.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.84-85.

trọng khác của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cũng tiếp tục khẳng định quan điểm này. Hiến pháp năm 2013 được ban hành với nhiều điểm mới, trong đó có vấn đề liên quan đến dân chủ, quyền con người, quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống các văn bản pháp luật về dân chủ trong hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước được cụ thể hóa và thể chế hóa.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, Đại hội XII khẳng định, "Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng"; "Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế"[1]. Quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn, hệ trọng của đất nước được quan tâm. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội.

Tuy nhiên, dân chủ hóa trong các lĩnh vực chưa đồng bộ với yêu cầu đổi mới đất nước. Còn nhiều hạn chế trong tổ chức thực hiện. Một số nội dung về dân chủ, quyền con người chưa được cụ thể hóa thành luật,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.167.

chính sách; nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ. Quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi còn bị vi phạm, việc thực hiện dân chủ có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, tách rời dân chủ với kỷ cương, pháp luật. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện về quan điểm, chủ trương cũng như tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XIII...

Đại hội XIII xác định phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân với những điểm mới sau:

Một là, bổ sung nội dung, phương châm thực hiện dân chủ, như thêm *"dân giám sát, dân thụ hưởng"* trong phương châm: *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".* Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở. Làm tốt, có hiệu quả phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".*

Hai là, xác định rõ hơn vai trò "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội *làm nòng cốt*" để nhân dân làm chủ.

Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội.

Ba là, khẳng định: "vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[1], và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là *nền tảng chính trị, pháp lý* để nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Điều đó đòi hỏi phải phát huy tính tích cực chính trị - xã hội, trí tuệ, quyền và trách nhiệm của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức.

Bốn là, nêu rõ yêu cầu: "Cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức nêu gương thực hành dân chủ, tuân thủ pháp luật, đề cao đạo đức xã hội"

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.173.

trong thực hành dân chủ, trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Trên cơ sở đó: "Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ, gây rối nội bộ, làm mất ổn định chính trị - xã hội hoặc vi phạm dân chủ, làm phương hại đến quyền làm chủ của nhân dân"[1]. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, ngoại giao nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Động viên nhân dân tham gia phát triển kinh tế; góp phần quản lý xã hội thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hoạt động tự quản cộng đồng; xây dựng, quản lý, thụ hưởng văn hóa.

2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: "... không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế"[2]. Điều lệ Đảng, các văn kiện quan trọng khác của Đảng, Nhà nước luôn đề cập tới

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.174.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.65.

vấn đề đại đoàn kết, Điều 9 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Những nội dung trên luôn được cụ thể hóa trong văn kiện các kỳ Đại hội Đảng.

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, tính chủ động cao hơn, hướng nhiều hơn về cơ sở; tổ chức bộ máy từng bước được sắp xếp lại phù hợp hơn với yêu cầu mới của đất nước; xác định rõ hơn nhiều nhiệm vụ trọng tâm trong từng nhiệm kỳ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, để phản ánh tiếng nói của người dân trong các sự kiện lớn của đất nước. Trong nhiệm kỳ Đại hội XII

của Đảng, đã phát huy tốt hơn sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, *"dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"* làm điểm tương đồng; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân...

Tuy đã có nhiều đổi mới, nhưng tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, bộ máy vẫn còn cồng kềnh; cơ cấu tổ chức vẫn tồn tại

theo hướng hành chính - biên chế, một bộ phận cán bộ chuyên trách công tác còn yếu về năng lực chuyên môn, thiếu kinh nghiệm thực tiễn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ chưa thường xuyên. Việc tuyên truyền, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhất là những vấn đề bức xúc của nhân dân. Nội dung hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có mặt còn chậm đổi mới so với yêu cầu nhiệm vụ.

Đại hội XIII tiếp tục xác định phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, bổ sung nhiều điểm mới:

Một là, đã khái quát quan điểm của Đảng đối với các tầng lớp nhân dân, khẳng định những *quan điểm chung nhất* là: Mọi hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ lợi ích của nhân dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giải quyết hài hoà các quan hệ lợi ích trong xã hội.

Hai là, trong phần nói về *giai cấp công nhân* đã bổ sung nhiệm vụ, giải pháp về hoạt động của công đoàn: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân; xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị,

trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhấn mạnh yêu cầu: "Đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân và yêu cầu hội nhập quốc tế"[1], chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; tập trung làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, tập thể công nhân. Định hướng, quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của công nhân tại doanh nghiệp ngoài tổ chức công đoàn hiện nay.

Ba là, trong phần nói về *giai cấp nông dân*, đã nêu giải pháp trong điều kiện mới: Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hóa nông thôn. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn, tạo điều kiện để cư dân nông thôn trở thành cư dân đô thị mà không dẫn đến di cư quy mô lớn. *Đặc biệt nêu giải pháp*, có chính sách hợp lý để chuyển lao động nông thôn sang các

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.166.

ngành phi nông nghiệp. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân, nông thôn cùng với các nguồn lực khác để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Bốn là, đối với *trí thức*, bên cạnh khẳng định quan điểm: Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. *Tiếp tục nhấn mạnh quan điểm* thực sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức. "Trọng dụng, đãi ngộ thoả đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài"[1], nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng.

Năm là, đối với *đội ngũ doanh nhân*, bên cạnh các quan điểm đã được khẳng định trong văn kiện Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã bổ sung:

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.167.

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho dân tộc, có chuẩn mực văn hoá, đạo đức tiến bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân khởi nghiệp sáng tạo, kinh doanh lành mạnh, cống hiến tài năng, khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tôn vinh, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những doanh nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáu là, nhấn mạnh khát vọng vươn lên của *thế hệ trẻ*. Quan tâm tạo động lực cho thanh niên xung kích trong học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp. Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội; làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, phát triển toàn diện và bảo đảm quyền của trẻ em; dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em - tương lai của đất nước; xây dựng môi trường, điều kiện học tập, lao động, giải trí, rèn luyện để phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hoà cả về trí tuệ, thể chất và giá trị thẩm mỹ cho thế hệ trẻ.

Bảy là, đề xuất quan điểm về xây dựng *người phụ nữ Việt Nam* thời đại mới. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em.

Tám là, nhấn mạnh yêu cầu về động viên *cựu chiến binh, công an hưu trí.* Tăng cường vai trò của hội viên trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong điều kiện mới, phát huy bản chất, truyền thống Bộ đội Cụ Hồ và Công an nhân dân Việt Nam cách mạng trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống.

Chín là, đối với *người cao tuổi*, Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa. Nhấn mạnh chủ trương tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu "*Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hoà thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau*".

Mười là, đối với đồng bào *các dân tộc thiểu số*, bổ sung quan điểm: Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Đặc biệt là: "Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững"[1]. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.170.

Chống kỳ thị dân tộc, dân tộc cực đoan, dân tộc hẹp hòi; nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mười một là, tiếp tục thực hiện các chủ trương về vận động, đoàn kết, tập hợp *các tổ chức tôn giáo*, chức sắc, tín đồ sống "tốt đời đẹp đạo", đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mười hai là, trong điều kiện mới, coi trọng nhiệm vụ hỗ trợ để *người Việt Nam ở nước ngoài* có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội nước sở tại. Làm tốt công tác thông tin tình hình trong nước, giúp đồng bào hướng về Tổ quốc, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc, có chính sách thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh... Tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

Mười ba là, nêu tên cuộc vận động mới: *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*. Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Xây dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân.

XII. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một trong 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là: "Có Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo"[1], sau đó được cụ thể hóa thành: "Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật"[2]. Những quan điểm trên có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển đất nước. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quan trọng khác của Đảng và Nhà nước khẳng định tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển. Thực hiện tốt chức năng nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.70, 85.

hoạch và các công cụ điều tiết khác trên cơ sở các quy luật của thị trường. Chú trọng phát triển xã hội, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản quốc gia, những định hướng trên cần tiếp tục được phát triển, cụ thể hóa trong điều kiện mới.

Sau 35 năm đổi mới, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bước phát triển mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; nội dung, phương thức quản lý nhà nước đã từng bước được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đã đạt được những thành tựu: Hệ thống pháp luật được hoàn thiện một bước cơ bản. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực. Bộ máy nhà nước bước đầu được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn gắn với tinh giản biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và đời sống xã hội. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước đột phá. Tổ chức bộ máy của toà án

nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bổ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức và cá nhân; tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Tuy nhiên, vấn đề đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế với chính trị, văn hóa, xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Hệ thống pháp luật còn một số quy định chưa thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương, phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ, xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương một số nơi chưa đổi mới mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đại hội XIII tiếp tục xác định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bổ sung nhiều điểm mới:

Một là, về chủ trương, các văn kiện của Đảng lần này nhấn mạnh tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước. "Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững"[1]. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Sđd, t.1, tr.175.

kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy nhanh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013.

Hai là, về Quốc hội, so với văn kiện Đại hội XII, lần này văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: *Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội*, tăng tính chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao. Bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Nhấn mạnh tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát, lấy phiếu, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp. Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

Ba là, về Chính phủ, các văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: *Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả* trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện mới: "Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không can thiệp làm sai lệch các quan hệ thị trường"[1] và "Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương,... bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất"[2]. Đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; khắc phục triệt để chồng chéo

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.285, 177.

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả. Nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Bốn là, về tư pháp, văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Bổ sung nội dung: "Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp"[1]. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.177.

giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Năm là, về chính quyền địa phương, so với văn kiện Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung, làm rõ hơn nội dung: Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương. Gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp.

Sáu là, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, so với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung: *Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước*, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương,

chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với nhân dân.

Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

XIII. XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2021-2025

1. Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng. Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng. So với Đại hội XII,

công tác xây dựng Đảng không chỉ được đề cập trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII, mà còn có Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng được thể hiện trong chủ đề, bài học kinh nghiệm, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển.

- *Chủ đề Đại hội XIII* đã phát triển thành tố "Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh" của Đại hội XII thành "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh". Điểm mới là bổ sung "xây dựng hệ thống chính trị" cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà cả chỉnh đốn Đảng.

- *Về bài học kinh nghiệm:* Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Báo cáo chính trị Đại hội XIII rút ra 5 bài học kinh nghiệm. Bài học kinh nghiệm đầu tiên là về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh: "...công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"[1]. So với Đại hội XII, Báo cáo chính trị

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.95.

nhấn mạnh xây dựng Đảng về cán bộ. Đây là bước phát triển về nhận thức của Đảng ta. Đồng thời xác định rõ: "Công tác cán bộ phải thực sự là "then chốt của then chốt", tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; cán bộ, đảng viên phải thực hiện trách nhiệm nêu gương theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương"[1].

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng rút ra 5 bài học kinh nghiệm.

"Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để đổi mới sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ; đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện cơ hội chính trị.

Hai là, phải đặc biệt coi trọng sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, trước hết trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt và cấp ủy các cấp. Người đứng đầu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.96.

các cấp phải thực sự mẫu mực, nói đi đôi với làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Thường xuyên tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Ba là, phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ "then chốt" của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân.

Bốn là, xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động

quyết liệt, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc mới, khó, phức tạp thì tiến hành thí điểm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng"[1].

- *Về quan điểm:*

Báo cáo chính trị nêu 5 quan điểm chỉ đạo, quan điểm đầu tiên là "Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[2]. So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung "kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng". Đây là bước phát triển nhận thức của Đảng ta.

- *Về mục tiêu xây dựng Đảng:*

Trong mục tiêu tổng quát, Đại hội XII xác định: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.225-227.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.109.

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đại hội XIII xác định: "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện"[1]. Điểm mới của Đại hội XIII là không chỉ nâng cao "năng lực lãnh đạo" mà cả "năng lực cầm quyền", không chỉ "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh", mà cả "hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện".

- *Về định hướng xây dựng Đảng:*

Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước sẽ tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

Trong định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030, Báo cáo chính trị nêu định hướng về xây dựng Đảng: "Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.111.

chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng"[1]. So với Đại hội XII, Đại hội XIII xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng; nêu yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nêu phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII[2]:

Một là, tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.118-119.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.228-230.

Hai là, tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Năm là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Sáu là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

2. Những nhận thức mới trong nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Kế thừa Đại hội XII, Báo cáo chính trị và Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng Đại hội XIII đã xác định 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng trong 5 năm 2021-2025, trong mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp có những nhận thức mới.

Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Trong những nhiệm kỳ qua, nhất là nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng Đảng về chính trị được đặc

biệt chú trọng. Đảng ta luôn vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và không ngừng vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định những nguyên tắc trong đường lối đổi mới và công tác xây dựng Đảng. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng ta được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nghị quyết còn chậm, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả. Thực hiện các nguyên tắc xây dựng Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số tổ chức đảng còn chưa nghiêm, thậm chí vi phạm.

Đại hội XIII xác định: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: "Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"[1]. Đồng thời đã bổ sung: "Giữ vững

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.180.

bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng"[1]. Điều lệ Đảng hiện hành xác định: Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đây là những nguyên tắc phải kiên định.

Đại hội XIII đã bổ sung, nhấn mạnh ba nhiệm vụ, giải pháp mới nhằm tăng cường xây dựng Đảng về chính trị:

Thứ nhất, về bản lĩnh và năng lực dự báo. Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, tác động đến nước ta, yêu cầu Đảng phải "Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo và chất lượng công tác hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại"[2]. Đây là yêu cầu rất cần thiết.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.180, 180.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện nghị quyết. Thực tế nhiều năm qua việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn là khâu yếu, chưa được khắc phục; năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, làm cho pháp luật, nghị quyết chưa được thực hiện và hiệu quả thấp. Điều đó đòi hỏi phải "Kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa, triển khai đúng đắn, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, khắc phục sự yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, cán bộ cấp chiến lược"[1].

Thứ ba, về thực hành dân chủ. Đại hội XIII xác định: "Thực hành dân chủ trong Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng"[2]. Đây là nhiệm vụ, giải pháp rất quan trọng, là một vấn đề bản chất của Đảng ta. Những năm tới đòi hỏi phải thực hành tốt hơn dân chủ trong Đảng, nhưng phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.180-181, 181.

Hai là, coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng được tăng cường; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, chuyển biến tích cực, nghiên cứu và giáo dục lý luận tiếp tục được chú trọng, đổi mới. Tư duy lý luận của Đảng có bước phát triển. Hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên, công tác tư tưởng có nơi, có lúc còn chưa thực sự được cấp ủy coi trọng, chưa kịp thời, thiếu thuyết phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu, một số vấn đề mới, khó, phức tạp chưa được làm sáng tỏ. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao; công tác nắm bắt dư luận trước những sự kiện, tình huống bất ngờ còn chưa kịp thời. Từ đó, Đại hội XIII xác định: Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng.

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác

tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đại hội XIII đã bổ sung, nhấn mạnh những nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng. Đại hội XIII xác định: "Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội"[1]. Việc nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và định hướng dư luận xã hội là một nhiệm vụ rất quan trọng của công tác tư tưởng.

Thứ hai, về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn kết

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.181.

tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách... Chú trọng cập nhật kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sớm kết luận những vấn đề lý luận đã chín, đã rõ để phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận; có chế độ, chính sách thỏa đáng nhằm thu hút, trọng dụng các chuyên gia đầu ngành"[1]. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, xác định: "Tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới để bổ sung, phát triển lý luận của Đảng"[2].

Đây là những nhiệm vụ, giải pháp vừa cấp bách, vừa lâu dài. Công cuộc đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu đặt ra nhiều vấn đề mới, đòi hỏi phải có những giải pháp mới để lý luận đáp ứng yêu cầu mới.

Thứ ba, về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong những năm tới, các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.181-182.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.235.

ta, đòi hỏi phải tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái. Đây là vấn đề liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ. Đại hội XIII xác định: "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ"[1].

Ba là, tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng Đảng về đạo đức được Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng đề cao, nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ vị trí lãnh đạo có chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã góp phần đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.183.

về đạo đức vẫn còn có những hạn chế: việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thường xuyên, một số suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... Vì thế, Đại hội XIII xác định: Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức.

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, Đại hội XIII bổ sung, nhấn mạnh các nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, coi trọng nêu gương. Nêu gương vừa là đạo đức của cán bộ, đảng viên, vừa là một phương thức lãnh đạo của Đảng. Đại hội XIII xác định: "Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng. Coi trọng kiểm

tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương"[1].

Thứ hai, coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng. Đại hội XIII xác định: "Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần "Đảng ta là đạo đức, là văn minh" cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng"[2].

Thứ ba, coi trọng đấu tranh phê phán, biểu dương gương sáng về đạo đức. Đảng ta luôn coi trọng giữa xây và chống. Đại hội XIII xác định: "Tăng cường đấu tranh chống các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức. Cổ vũ, biểu dương các

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.183-184, 184.

gương sáng đạo đức, tạo ảnh hưởng sâu rộng trong Đảng và ngoài xã hội”[1].

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị đạt được kết quả quan trọng, rõ nét, có nhiều đổi mới, triển khai thực hiện quyết liệt với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, có trọng tâm, trọng điểm, bước đầu đã khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm tồn tại trong thời gian dài. Tuy nhiên, việc hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị cho phù hợp với tình hình thực tiễn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Tinh giản biên chế mới tập trung giảm số lượng, chưa thật sự gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Điều đó đòi hỏi phải đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.184.

nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Các Đại hội gần đây, nhất là Đại hội XII xác định đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế. Từ thực tiễn, Đại hội XIII nhấn mạnh: "Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị"[1].

Thứ hai, về tinh giản biên chế. Đại hội XIII xác định: "Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.185, 185.

Năm là, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm hơn và có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp. Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên chưa được quan tâm đúng mức. Tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút. Công tác phát triển đảng còn hạn chế. Từ đó, Đại hội XIII xác định: Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

(1) Về tổ chức cơ sở đảng:

Thứ nhất, về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ. Đại hội XIII xác định: "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tiến trình đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.185-186.

Thứ hai, về vai trò của các tổ chức cơ sở đảng. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng trong việc giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ"[1].

(2) Về đội ngũ đảng viên:

Thứ nhất, về đội ngũ đảng viên. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại đảng viên bảo đảm thực chất. Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy vai trò của những đảng viên ưu tú, có triển vọng, chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp"[2].

Thứ hai, về phát triển đảng viên. Đại hội XIII xác định: "Coi trọng công tác phát triển đảng viên, bảo đảm số lượng, chất lượng. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong công nhân trực tiếp sản xuất, trí thức và doanh nhân. Phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những thanh niên ưu tú trưởng thành trong phong trào lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp"[3].

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.186, 186, 186-187.

Sáu là, tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác cán bộ có nhiều đổi mới, được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đồng bộ và đạt một số kết quả quan trọng; về tổng thể, đội ngũ cán bộ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, việc thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu. Chính sách cán bộ chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc. Công tác nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay có nơi, có lúc còn hạn chế. Vì thế, Đại hội XIII xác định: Tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ. Đại hội XIII xác định: "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức

danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết"[1].

Thứ hai, về trách nhiệm của người đứng đầu và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Đại hội XIII xác định: "Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; thực hiện tốt quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu"[2].

Thứ ba, về cơ chế, chính sách. Đại hội XIII xác định: "Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ phấn đấu, toàn tâm, toàn ý với công việc. Coi

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.187, 187-188.

trọng và làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, "lợi ích nhóm" và lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng để xuyên tạc sự thật, kích động, gây rối, chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ"[1].

Bảy là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường, có nhiều đổi mới, đạt kết quả quan trọng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới; chất lượng, hiệu quả chưa đồng đều ở các cấp. Từ đó, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về quy định, quy chế. Đại hội XIII xác định: "Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.188.

chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ, khả thi, trong đó tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; có chế tài để phòng ngừa, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật đảng"[1].

Thứ hai, về lãnh đạo, chỉ đạo. Đại hội XIII xác định: "Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng"[2].

Thứ ba, về phương pháp. Đại hội XIII xác định: "Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.188-189, 189.

bộ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới"[1].

Thứ tư, về phối hợp với các cơ quan. Đại hội XIII xác định: "Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường phối hợp giữa giám sát, kiểm tra của Đảng với giám sát, thanh tra của Nhà nước và giám sát của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.189-190.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, không hiệu quả"[1].

Thứ năm, về nội dung kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của nhân dân. Đại hội XIII xác định: "Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy trong việc thể chế hóa và thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng"[2].

Tám là, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác dân vận được chú trọng và tiếp tục đổi mới; quan điểm "dân là

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.190, 190.

gốc", là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân được củng cố, tăng cường. Tuy nhiên, công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước còn một số bất cập. Từ đó, Đại hội XIII xác định: Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về nhận thức. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; có cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới"[1].

Thứ hai, về phát huy vai trò của nhân dân. Đại hội XIII xác định: "Phát huy vai trò, sự tham gia của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.191.

nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, địa phương; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hóa, thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên"[1].

Chín là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác đấu tranh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.191-192.

phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ và đạt nhiều kết quả quan trọng, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao và quốc tế ghi nhận. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn. Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng ở một số địa phương, bộ, ngành chuyển biến chưa rõ rệt, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác phòng, chống tham nhũng chưa được đề cao. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế, nhất là việc kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu; tình trạng tham nhũng, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Từ đó, Đại hội XIII xác định: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp sau:

Thứ nhất, về nhiệm vụ, giải pháp chung. Đại hội XIII xác định: "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh

ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự"[1].

Thứ hai, về giải pháp để "không muốn" tham nhũng. Đại hội XIII xác định: "Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.193-194.

không tham nhũng, lãng phí, trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức”[1].

Thứ ba, về giải pháp để “không thể” tham nhũng. Đại hội XIII xác định: “Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, về kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích những người làm công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý tham nhũng cũng như với người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng, lãng phí để vu khống, gây mất đoàn kết nội bộ; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; đẩy mạnh thực hiện chế độ thanh toán không dùng tiền mặt”[2].

Thứ tư, về giải pháp để “không dám” tham nhũng. Đại hội XIII xác định: “Tăng cường công tác

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.194, 194-195.

kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí; kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng; kịp thời xử lý, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm những cán bộ nhũng nhiễu, vòi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm liêm chính, trong sạch, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng và các cơ quan tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Từng bước mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.195-196.

Thứ năm, về giải pháp để "không cần" tham nhũng. Đại hội XIII xác định: "Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập và có chính sách nhà ở, bảo đảm cuộc sống để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác"[1].

Mười là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới. Ban hành và thực hiện nhiều quy định bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đề cao nguyên tắc pháp quyền, phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đổi mới cách học tập, quán triệt nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.196.

nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng, đồng thời tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy mạnh mẽ vai trò, tính tự chủ, năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Vì thế, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về xây dựng quy chế, quy định, quy trình. Đại hội XIII xác định: Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể và "công khai để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, giám sát

việc thực hiện”[1]. “Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hóa quyền lực; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương”[2].

Thứ hai, về phương hướng, phong cách, lề lối làm việc. Đại hội XIII xác định: “Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở; xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân, bám sát thực tiễn, cầu thị, học hỏi, nói đi đôi với làm”[3].

XIV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, KHÂU ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Về những nhiệm vụ trọng tâm

a. Nhận thức về nhiệm vụ trọng tâm

Lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, đấu tranh

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.197-198, 198, 198-199.

giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước, cùng một lúc, Đảng phải triển khai nhiều nhiệm vụ, có nhiệm vụ trước mắt, có nhiệm vụ lâu dài, hết sức khó khăn, ngày càng phức tạp. Thực tiễn đòi hỏi Đảng vừa phải có tầm nhìn xa rộng, vừa bao quát, triển khai toàn diện các nhiệm vụ, vừa phải lựa chọn đúng những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách để tập trung chỉ đạo có kết quả, tạo ảnh hưởng lan tỏa, thúc đẩy các nhiệm vụ khác. Đó chính là phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo khoa học.

Trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, văn kiện của Đảng thường sử dụng hai khái niệm: nhiệm vụ cơ bản nhằm giải quyết những mâu thuẫn cơ bản và nhiệm vụ chủ yếu, hoặc nhiệm vụ cần kíp, nhằm giải quyết những mâu thuẫn chủ yếu, trước mắt. Giải quyết hài hòa nhiệm vụ cơ bản và nhiệm vụ cần kíp là nghệ thuật chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng. Chính nhờ quyết định sáng suốt tập trung thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc trong quá trình thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản chống đế quốc, chống phong kiến mà Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân tộc làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong quá trình lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược, văn kiện của Đảng vừa xác định nhiệm vụ cơ bản của Đảng là lãnh đạo triển khai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, vừa xác định những nhiệm vụ cần kíp, những địa bàn trọng yếu, những hướng, mũi tiến công chiến lược, phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng giai đoạn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, sáng tạo nên những giá trị đặc sắc của nghệ thuật thắng từng bước.

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, văn kiện Đảng, đặc biệt là văn kiện thời kỳ đổi mới, thường đề ra những nhiệm vụ cơ bản với tầm nhìn trung hạn, dài hạn và những nhiệm vụ chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt, với tầm nhìn ngắn hạn - thường là 5 năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong một nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Các nhiệm vụ trọng tâm không tách rời mà gắn với các nhiệm vụ chủ yếu cần triển khai trong một nhiệm kỳ Đại hội, nhưng tập trung vào những công việc quan trọng, cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng cần được ưu tiên thực hiện.

Báo cáo chính trị Đại hội XI, sau khi trình bày 10 nhiệm vụ, giải pháp, đã nêu 7 nhiệm vụ trọng tâm cần

tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhiệm kỳ Đại hội XI[1]. Phần cuối Báo cáo chính trị Đại hội XII, sau khi trình bày 12 nhiệm vụ, giải pháp, nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII[2].

b. Những nhiệm vụ trọng tâm trong Văn kiện Đại hội XIII

Từ kinh nghiệm tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội XII, Đảng nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng và ý nghĩa thiết thực của việc quán triệt, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XIII tách nội dung "Những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII" thành một mục riêng - mục XV. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 không trình bày các nhiệm vụ trọng tâm mà căn cứ

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.265-266.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.217-219.

vào định hướng của Báo cáo chính trị, trình bày sâu về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu (Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 trình bày 10 phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình bày 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu). Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng, sau khi trình bày 10 nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng, nêu 3 nhiệm vụ trọng tâm. Những nhiệm vụ, giải pháp được trình bày trong các báo cáo chuyên đề góp phần làm rõ hơn, cụ thể hơn những nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Báo cáo chính trị.

So với Báo cáo chính trị Đại hội XI và Đại hội XII, những nhiệm vụ trọng tâm trình bày trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII được kết cấu lại và bổ sung những nội dung mới. Báo cáo chính trị Đại hội XI xác định 7 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; (2) Cải cách hành chính; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (4) Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế; (5) Đổi mới quan hệ phân phối, chính

sách tiền lương; (6) Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc; (7) Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu 6 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; (2) Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; (3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; (4) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; (5) Giải quyết các vấn đề xã hội, phát huy vai trò nhân dân; (6) Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh[1]. Báo cáo chính trị Đại hội XIII trình bày 6 nhiệm vụ trọng tâm theo kết cấu mới và có những nội dung mới: (1) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ; (2) Thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế; (3) Tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh...; (4) Phát huy

1. Xem Chú thích 1 và Chú thích 2 ở tr.271.

giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; tăng cường quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; (5) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; (6) Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu[1]. Điểm mới trong cách sắp xếp và thể hiện nội dung các nhiệm vụ trọng tâm trong Báo cáo chính trị Đại hội XIII là: Tích hợp các trọng tâm về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, về phát triển kinh tế, về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về phát triển văn hóa, xã hội, con người; tách để nhấn mạnh trọng tâm về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; bổ sung trọng tâm về bảo vệ tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất: Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục nêu những nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về đấu tranh phòng, chống suy thoái trong nội bộ, về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ... đã

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.199-202.

được trình bày trong Báo cáo chính trị Đại hội XII, đồng thời bổ sung một số nội dung cấp thiết: *đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tiêu cực, "lợi ích nhóm"; củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Báo cáo chính trị, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng cụ thể hóa 3 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương; (2) Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (3) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức[1]. Gắn với nhiệm vụ trọng tâm này, Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển[2].

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ hai: Thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế.

Báo cáo chính trị tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, song bổ sung, nhấn mạnh những nội dung mới phù hợp với những yêu cầu nảy sinh trong bối cảnh mới. Đáng chú ý là: Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắcxin Covid-19 cho cộng đồng; hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành

---

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.256-257, 145-150.

phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực...

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình bày cụ thể hơn các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng tâm về thúc đẩy phát triển kinh tế: (1) Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thiện cơ bản các yếu tố cấu thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (2) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số; (3) Phát triển các vùng và khu kinh tế; (4) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; (5) Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế;

(6) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ[1].

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ ba: Tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế, quốc phòng, an ninh.

Xuất phát từ nhận thức sâu sắc về quan hệ khăng khít và vai trò đặc biệt quan trọng của quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với an ninh quốc gia, Báo cáo chính trị tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Báo cáo chính trị nhấn mạnh yêu cầu *giữ vững độc lập, tự chủ;* chú trọng *nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế* gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là *biển, đảo, vùng trời;* giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên này, Báo cáo đánh giá kết quả thực

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.97-134.

hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trình bày cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước[1].

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ tư: Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; tăng cường quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Trong Báo cáo chính trị Đại hội XII, xây dựng con người, phát huy nhân tố con người, xây dựng môi trường văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, phát huy vai trò của nhân dân... được trình bày thành hai nhiệm vụ trọng tâm. Vì vấn đề phát triển văn hóa, xây dựng con người gắn rất chặt với việc

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.150-155.

giải quyết các vấn đề xã hội, quản lý phát triển xã hội, do vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã tích hợp hai nội dung này thành một nhiệm vụ trọng tâm và trình bày toàn diện, cụ thể, phản ánh đầy đủ hơn yêu cầu khách quan và những nguyện vọng chính đáng của con người, của nhân dân, đặc biệt là khát vọng phát triển đất nước, khát vọng hạnh phúc và nhu cầu bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người... Báo cáo chính trị Đại hội XIII xác định: "Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam"[1]. Những giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện có kết quả nhiệm vụ trọng tâm này được trình bày cụ thể

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.1, tr.202.

trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025: phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội[1].

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ năm: Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nội dung phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được trình bày chung với nội dung phát triển văn hóa, xã hội, con người thành một nhiệm vụ trọng tâm trong Báo cáo chính trị Đại hội XII. Trải qua 35 năm đổi mới, trình độ và nhu cầu thực hành dân chủ của nhân dân được nâng cao, điều kiện phát huy dân chủ được tăng cường. Phát huy dân chủ trở thành nhu cầu khách quan, thành động lực phát triển to lớn. Gắn với dân chủ, đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.134-142.

trở thành động lực có ý nghĩa nền tảng tạo thành sức mạnh nội sinh có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Chính vì vậy, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã đặt phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc thành một nhiệm vụ trọng tâm. Điểm mới, điểm nhấn trong nội dung nhiệm vụ trọng tâm này là phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trên cơ sở hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh và sự gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên.

Về nhiệm vụ trọng tâm thứ sáu: Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Báo cáo chính trị Đại hội XII đặt "Tăng cường quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu"

thành một nhiệm vụ[1], nhưng chưa xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Năm năm qua, nhất là hai, ba năm gần đây, tình trạng khai thác quá mức tài nguyên, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là sự diễn biến phức tạp với tốc độ nhanh, mật độ cao, tác hại nặng nề của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế, ổn định xã hội, bảo đảm sinh kế của người dân. Nhận thức sâu sắc thách thức ngày càng nghiêm trọng về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu đối với sự phát triển của đất nước, Báo cáo chính trị Đại hội XIII bổ sung nhiệm vụ trọng tâm: "Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu"[2]. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.139-145.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.1, tr.202.

thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường[1].

Nhìn tổng thể, 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII được xác định trong văn kiện rõ ràng, sát với yêu cầu khách quan của thực tiễn, được tổ chức thực hiện có kết quả sẽ tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong những năm tới.

2. Về các đột phá chiến lược

a. Nhận thức về đột phá chiến lược

Cách mạng là một quá trình liên tục, kế tiếp những bước phát triển tuần tự với những bước phát triển nhảy vọt. Để tạo ra những bước phát triển nhảy vọt, Đảng lãnh đạo cần lựa chọn những hướng, những mũi, những khâu đột phá, tập trung vào những lĩnh vực, những địa bàn, những điểm hoặc trọng yếu, có thế mạnh, hoặc ách tắc, nhiều khó khăn, mà nếu giải quyết, tháo gỡ, phát huy được sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng, tác động sâu sắc đến các lĩnh vực, địa bàn khác, tạo ra sự phát triển bứt phá, đột biến.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.2, tr.142-145.

Từng lĩnh vực, địa bàn đều có thể lựa chọn các hướng, mũi, khâu đột phá phù hợp. Đó là những *đột phá chiến thuật,* tạo ra những *đột biến cục bộ. Đột phá chiến lược* là những hướng, mũi, khâu đột phá ở tầm chung nhất, bao quát nhất, mà việc thực hiện thành công sẽ tạo ra hiệu ứng sâu rộng, đưa đến *sự phát triển bứt phá toàn cục.*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ở các thời kỳ, giai đoạn cách mạng, Đảng đều chú trọng lựa chọn những đột phá chiến lược, tạo những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng, đi đến thắng lợi. Phá kho thóc của Nhật, chia cho dân nghèo là đột phá chiến lược dẫn đến cao trào chống Nhật, cứu nước, đưa tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chiến dịch Việt Bắc năm 1947; Chiến dịch Biên giới năm 1950; Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là những đột phá chiến lược dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đồng khởi năm 1960; Tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968; Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không 1972; Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là những đột phá chiến lược đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Sau khi đất nước thống nhất, trong quá trình tìm tòi, khởi xướng, lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng đã lựa chọn đúng đắn các đột phá chiến lược: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, trọng tâm là phát triển nông nghiệp; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế..., tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

b. Đột phá chiến lược trong Văn kiện Đại hội XIII

Từ Đại hội VIII, Đảng chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vấn đề lựa chọn đột phá được đặc biệt quan tâm. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 (Đại hội IX) xác định: Tập trung sức *đột phá những lĩnh vực then chốt* để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội: (1) Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực

lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước; (2) Tạo bước chuyển về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; (3) Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh[1].

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 (Đại hội XI) lần đầu tiên sử dụng khái niệm "các đột phá chiến lược". Trên cơ sở tổng kết 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; kế thừa, phát triển nhận thức của Đại hội VIII và Đại hội IX về "đột phá những lĩnh vực then chốt", Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 xác định ba đột phá chiến lược: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.60, tr.284-285.

phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn[1].

Đại hội XII kiểm điểm việc thực hiện ba đột phá chiến lược do Đại hội XI xác định, chỉ rõ: ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực; tuy nhiên, thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt mục tiêu đề ra[2]. Đại hội XII chủ trương: "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực"[3].

Năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, ba đột phá chiến lược tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đạt

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.106.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.227, 247.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.89.

nhiều kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Thực tiễn cũng xuất hiện những khó khăn, vướng mắc và những yêu cầu mới đòi hỏi phải nhận thức đầy đủ hơn, sát hợp hơn các đột phá chiến lược. Văn kiện Đại hội XIII đặc biệt chú trọng việc xác định các đột phá chiến lược phù hợp với điều kiện, yêu cầu 5, 10 năm tới. Báo cáo chính trị xác định ba đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 nêu ba đột phá chiến lược trong 10 năm.

Giữa Báo cáo chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 tuy có những khác biệt trong xác định nội dung cụ thể của từng đột phá chiến lược do tầm bao quát về thời gian khác nhau (5 năm và 10 năm), song đều thống nhất nhận định: ba đột phá chiến lược do Đại hội XI, XII của Đảng xác định (thể chế phát triển kinh tế thị trường; nguồn nhân lực chất lượng cao; hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ) có ý nghĩa, giá trị lâu dài, vẫn còn nguyên giá trị và sẽ được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện, yêu cầu của từng giai đoạn phát triển.

Đột phá chiến lược về hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển: Báo cáo chính trị mở rộng yêu cầu hoàn thiện đồng bộ *thể chế phát triển,* trong đó thể chế kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là trọng tâm. Hoàn thiện thể chế trong 5 năm tới gắn với *đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả* hướng vào bốn trọng điểm: (1) Tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; (2) Tạo lập khung khổ pháp lý thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (3) Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư; (4) Phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

Từ tầm bao quát 10 năm, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 mở rộng và nhấn mạnh nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại, hội nhập; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại gắn với xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao: Báo cáo chính trị xác định hai nội dung cơ bản: (1) Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; (2) Phát triển nguồn nhân lực phải gắn kết chặt

chẽ và đặt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo; gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nội dung cơ bản của đột phá chiến lược này được trình bày cụ thể, chi tiết hơn trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.

Đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại: Để tập trung nguồn lực, hoàn thành dứt điểm các công trình hạ tầng quan trọng, đồng thời với định hướng phát triển đồng bộ cả về kinh tế và xã hội, Báo cáo chính trị nhấn mạnh hai hướng ưu tiên: (1) Phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) Phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 với phạm vi bao quát 10 năm, bổ sung ưu tiên phát triển hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng

năng lượng và nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng xác định ba giải pháp đột phá, tuy không phải là đột phá chiến lược, song có ý nghĩa rất quan trọng: "(1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ. (2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. (3) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t.2, tr.257.

MỤC LỤC

		Trang
- Lời Nhà xuất bản		5
- Lời nói đầu		7
I.	Bối cảnh; Quá trình chuẩn bị Văn kiện; Tầm nhìn và chủ đề của Đại hội	11
II.	Phương pháp tiếp cận	34
III.	Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và tiến trình đổi mới	49
IV.	Dự báo tình hình, quan điểm và định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021 - 2030	62
V.	Phát triển kinh tế trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025	111
VI.	Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025	142
VII.	Phát triển văn hóa, xã hội, con người trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025	165
VIII.	Quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025	183

IX. Bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 195
X. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 203
XI. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn 5 năm 2021- 2025 209
XII. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 223
XIII. Xây dựng Đảng trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 232
XIV. Nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá chiến lược 268

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII

- **BÁO CÁO 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011**

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

- **TÀI LIỆU HỌC TẬP CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG (DÙNG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ)**
- **TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG (DÙNG CHO ĐOÀN VIÊN, HỘI VIÊN CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ TUYÊN TRUYỀN TRONG NHÂN DÂN)**
- **TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG (DÙNG CHO CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ BÁO CÁO VIÊN)**

ISBN 978-604-57-6619-4
9 786045 766194
8935279130993

Giá: 77.000đ